THƯ VIỆN HÀ NỘI | ĐC
HVN83

UYÊN-ĐỖ-MỤC

CHINH PHU

NGÂM KHÚC DẪN GIẢI

CÓ NGUYÊN-VĂN CHỮ NHO, DỊCH ÂM,
DỊCH NGHĨA VÀ CHÚ-THÍCH RÕ RÀNG

Đã được Hội-đồng duyệt sách
công nhận làm sách giáo-khoa

TỦ SÁCH TAO ĐÀN
CỦA NHÀ XUẤT-BẢN TÂN DÂN

Chinh Phu ngâm-khuc dân-giai

NGUYỄN-ĐỖ-MỤC

CHINH PHU
NGÂM KHÚC DẪN GIẢI

CÓ NGUYÊN-VĂN CHỮ NHO, DỊCH ÂM,
DỊCH NGHĨA VÀ CHÚ THÍCH

Đã được Hội-đồng duyệt sách
công nhận làm sách giáo-khoa

TỦ SÁCH TAO ĐÀN
CỦA NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-DÂN

TỰA

*Ông bà nào dám bảo tiếng nước ta nghèo, không đủ mà diễn được một bài văn tuyệt-diệu bằng chữ nước ngoài ra tiếng nước nhà thì chúng tôi chắc rằng người ấy chưa xem bản dịch khúc « **Chinh phụ ngâm** » này.*

*Ông bà nào dám bảo nữ-giới nước ta về đường văn học bấy lâu vẫn cam phận ở trong vòng hắc-ám thì chúng tôi cũng chắc rằng người ấy chưa xem bản dịch khúc « **Chinh phụ ngâm** » này.*

*Khúc « **Chinh phụ ngâm** » này nguyên văn bằng chữ nho của Đặng-trần-Côn tiên-sinh soạn, mà bà Nguyễn-thị-Điểm nước ta diễn ra quốc-văn.*

Đọc bài diễn nôm này, đủ biết tiếng nước ta không nghèo. Nếu nghèo thì không sao đủ tiếng mà diễn được một bài ngâm khúc có điệu, có vần bằng chữ nho thành ra một bài văn nôm theo lối « lục bát gián thất 八六間七 » như thế.

Đọc bản diễn-nôm này đủ biết nữ-giới nước ta thuở xưa về đường văn-học cũng có một cái ánh sáng rực-rỡ chẳng kém gì bên nam-giới, vì bản diễn nôm này nghe lại có phần xuất-sắc, hơn nguyên-văn nhiều.

Bàn đến văn khúc « **Chinh phụ ngâm** », *tất ai cũng phải ngợi khen bà Nguyễn-thị-Điểm. Thế thì lịch-sử bà Điểm thế nào, tưởng cũng nên nói qua một đôi câu : Bà, người huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương, biệt-hiệu là Hồng-Hà, em gái tiến-sĩ Nguyễn-trác-Luân, ở vào khoảng đầu thế-kỷ thứ XVIII, về đời vua Duy-Phương và vua Thuần-Tôn nhà Lê. Bà tư-chất thông-minh, năm mới lên 5 tuổi, học sách* « **Hán Cao-tổ** », *ông anh ra cho câu đối rằng :* « Bạch-xà **đương đạo** ; Quý (*tên vua Hán Cao-tổ*) **bạt kiếm** nhi **trảm chi** 白蛇當道，季拔劍而斬之 » *nghĩa là rắn trắng ngang đường, ông Quí tuốt gươm mà chém đấy. Bà đối rằng :* « Hoàng-long **phụ chu** ; Vũ **ngưỡng thiên nhi thán viết** 黃龍負舟，禹仰天而嘆曰 » *nghĩa là rồng vàng đội thuyền, vua Vũ trông trời mà than rằng. Hai câu cùng chữ sẵn mà chọi nhau từng chữ, xem đó đủ biết bà có tài học đâu nhỏ đấy. Lại xem đến mấy câu sau này nữa thì càng rõ bà là một người có kỳ-tài trong văn nữ-giới, đàn-bà dễ có mấy*

tay !... Đến năm 15 tuổi, văn đã giỏi lắm. Một hôm, bà đang soi gương, ông anh ra câu đối rằng : « Đối kính họa mi ; nhất điểm phiên thành lưỡng điểm 對鏡畫眉，一點翻成兩點 » *nghĩa là soi gương vẽ lông mày, một nét hóa ra hai nét. (Điểm là nét vẽ, lại là tên bà, có ý một nàng Điểm hóa ra hai nàng Điểm nữa). Bà ứng khẩu đối rằng :* « Lâm tri ngoạn nguyệt ; chích luân chuyển tác song luân 臨池玩月，隻輪轉作雙輪 » *nghĩa là tới ao ngắm bóng trăng, một vừng giống như hai vừng. (Luân là vừng trăng, lại là tên ông anh, có ý một ông Luân thành ra hai ông Luân nữa). Sau có sứ Tàu sang, bà giả làm có hàng bán nước, sứ Tàu trông thấy, đọc đùa một câu rằng :* « An-nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh 安南一寸土，不知幾人耕 » *nghĩa là một tấc đất An-nam, không biết mấy người cầy. Có ý trêu cợt bà Điểm. Bà cũng ứng khẩu mà đối rằng :* « Bắc quốc đại-trượng phu, giai do thử đồ xuất 北國大丈夫，皆由此途出 » *nghĩa là đại-trượng-phu ở Bắc-quốc, đều bởi đường ấy ra. Bà làm cho sứ Tàu phải hổ thẹn. Văn bà nhiều câu tài-tình, có soạn ra bộ* « **Tục truyền kỳ** » *bằng chữ nho, và dịch quyển* « **Chinh-phụ ngâm** » *này.*

Các tay danh-sĩ đời bấy giờ, đều phải chịu tài, nhất là ông Thái học-sinh Đặng-trần-Côn soạn ra khúc « Chinh-phụ ngâm » này bằng chữ nho, đến khi được xem bài văn diễn nôm của bà, thì lại càng sợ phục, Nhưng trời già trêu cợt, gái có tài thường khó kén bạn tri-âm, mãi đến năm bà gần 30 tuổi, mới lấy chồng làm lẽ quan Thượng-thư ở huyện Từ-liêm, tên gọi Nguyễn-Kiều, hiệu là Hạo-Hiên. Hai vợ chồng cùng nhan ý hợp tâm đầu, yêu nhau vì nết, trọng nhau vì tài. Bà thọ 70 tuổi.

Độc-giả chớ thấy sự « ăn nửa quả bồng » *ấy mà đã vội cho là con tạo có lòng ghen ghét một người tài nữ như bà Điểm này đâu. Kia xem như Phượng-Anh nữ-sĩ ở trong truyện* « Vợ lẽ yêu của tôi » *cũng là một người con gái tài có, sắc có, mà tấm thân liễu yếu đào tơ, thật là ba chìm bảy nổi, trăm đắng nghìn cay, rút lại cũng phải vì cái lòng chung-tình của người tri-kỷ, cam chịu cái tiếng lấy lẽ. Thế mà chính-thê phải cảm-phục, họ-hàng phải ngợi khen, xã-hội phải tôn-trọng, nếu Phượng-Anh không lấy lẽ, cái phương-danh kỳ-nữ vị tất đã lưu-truyền đến nghìn thu. Cổ-ngữ có câu :* « Thà rằng lẽ mọn cùng chàng,

còn hơn chính-thất những phường.... ». *Xem thế thì đủ biết con tạo cũng hậu-đãi bà Điểm lắm mới khiến bà được gặp ông danh-sĩ Nguyễn-Kiều, chứ không phải có lòng ghen ghét vậy.*

Chủ ý bài này là cốt khảo về cái tài văn-chương của bà Điểm, chứ không phải chỉ cốt bàn về việc bà Điểm lấy lẽ ông Nguyễn-Kiều. Vậy cái vấn-đề lấy lẽ, xin nhường các thày đoán sõ, đây tôi hãy bàn riêng về khúc « **Chinh-phụ ngâm** » *là một quyển sách của bà Điểm đã tỏ tài trong nghề quốc-văn Nam-việt. Độc-giả chớ thấy văn dịch mà coi là tầm-thường. Dịch mấy bộ tiểu-thuyết, không khó bằng dịch một mầu cỏn con trong* « **Chinh-phụ ngâm** ». *Ông Đặng-trần-Côn chính là người soạn ra khúc* « **Chinh-phụ ngâm** » *mà sở-dĩ phải phục bà Điểm, cũng chỉ vì cái tài dịch văn ấy. Bà đáng làm một bà thày dẫn đường chỉ lối cho mấy nhà dịch thuật ở nước ta ngày nay, mà chưa hiểu thấu cái tinh-thần quốc-văn là thế nào. Đọc mấy câu :*

« Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
« Khách má hồng nhiều nỗi truân triên.
« Xanh kia thăm-thẳm từng trên,
« Vì ai gây-dựng cho nên nỗi này ».

Thật là đọc văn dịch mà khiến người không biết rằng văn dịch ? Văn-chương cũng một nghề trong mỹ-thuật, cầm bút dịch văn như thế, khác nào như người gẩy đàn đã biến hẳn tiếng tơ.

Nghìn năm dù có bao giờ,
Đọc bài văn ấy, so tơ phiếm này....

Nào khách lãng văn, dám hỏi ai là kẻ tri-âm ? Ai ngâm khúc này mà không lấy làm vẻ-vang thay cho nữ-giới ! Bấm đốt ngón tay mà tính những bậc văn-hào về nữ-giới nước ta thì có lẽ trước nhất phải kể đến tên bà Nguyễn-thị-Điểm.

*Một áng văn-chương tuyệt-diệu đáng phô, đáng đọc, đáng hát, đáng khóc, đáng nhớ, đáng học như thế, thì nỡ nào để cho tam sao thất bản, ngày một sai lầm, khiến trong cái tủ đồ cổ quốc-văn sau này vẫn còn có một điều khuyết-điểm lớn. Vì thế mà cần phải có quyển « **Chinh-phụ ngâm khúc dẫn giải** » này, cũng vì thế mà Tân-Dân Thư-Quán cần phải xuất bản quyển « **Chinh-phụ ngâm khúc dẫn-giải** » này. Cái ảnh hưởng khúc « **Chinh-phụ ngâm** » này về sau thế nào, ta có thể đoán trước được ; ta đoán trước rằng sau này nữ-giới nước ta tất thế nào chẳng có bà đỗ bằng*

*văn-khoa cử-nhân hoặc tiến-sĩ đem dịch các bài ngâm khúc trong danh văn chữ Pháp ra chữ quốc-ngữ như khúc «***Chinh-phụ ngâm***» này.*

Viết đến đây, tưởng nên nói để ai nấy biết rằng : trong chương-trình khoa học quốc-văn các trường Cao-đẳng tiểu-học, đã có kê tên khúc « **Chinh-phụ ngâm** *» rồi đó. Mà đem «* **Chinh-phụ ngâm** *» vào chương-trình khoa học quốc-văn là phải lắm, bởi khúc «* **Chinh-phụ ngâm** *» này chẳng những đáng qui về phương-diện văn-chương, mà lại đáng qui về phương-diện luân-lý nữa. Xin đọc mấy câu :*

« Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa,
« Miệng hài-nhi chờ bữa nuôi cơm,
« Ngọt bùi thiếp đã hiếu-nam.
« Dạy con đèn sách thiếp làm phụ-thân.

thì một người đàn-bà đang khi vắng chồng hàng bao nhiêu năm, mà giữ trọn được cái bổn-phận trong gia-đình như thế, phỏng có phải là cái gương qui báu đáng soi ở cõi Á-đông này không ?

Tuy vậy, việc biên tập trong quyển « **Chinh-phụ ngâm-khúc dẫn-giải** *» này, chúng tôi không dám cho là một việc dễ.* Dịch âm *phải thế nào ?* Dịch nghĩa *phải thế nào ?* Chú thích *phải thế*

nào? Hãy nói riêng về phần dịch nghĩa *thì trong từ-khúc thường hay có chữ* 兮, *tưởng cũng khó theo lối học cổ mà cắt nghĩa chữ* Hề *là vậy được. Vẫn biết rằng đó là một cái âm-điệu riêng trong lối chữ nho cũng như các câu ngâm-khúc của ta mà trong khi đem ngâm lên, thường có cái giọng « ý-a » hay là « ăm-ừ » vậy. Có lẽ bà Điểm cũng phải chịu cho chữ* Hề *là một chữ chỉ « ý-hội* 意會 *» mà không thể « ngôn truyền* 言傳 *» được. Xin độc-giả lượng xét cho. Còn các chỗ khác cũng không dám nói chắc cả là không có chỗ sai-lầm, nếu các ngài cao minh quân-tử thấy chỗ nào khuyết-điểm, xin cứ viết thư chỉ-bảo cho, kẻ cầm bút này chưa đến nỗi nhiễm phải cái tính tự-đắc mà khó dạy vậy.*

Hà-nội, ngày xuân năm Kỷ-tị

NGUYỄN-ĐỖ-MỤC

征婦吟曲引解

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC DẪN GIẢI

天地風塵
紅顏多屯
悠悠彼蒼兮誰造因

DỊCH ÂM

Thiên địa phong trần (1), hồng nhan đa-truân (2), du du bỉ thương (3) hề, thùy tạo nhân.

DỊCH NGHĨA

Trời đất gió bụi, mà hồng nhiều truân-triển, thăm-thẳm ông xanh kia, vì ai gây dựng ra cái nguyên-nhân này.

CHÚ THÍCH

(1) *Phong* là gió, *trần* là bụi. *Gió bụi* nghĩa là lúc có loạn. Bài thơ « Trong quân nghe ống địch » của ông Trương-Tuần có câu rằng : «Bất biện phong-trần sắc, an tri thiên địa tâm 不辨風塵色, 安知天地心 » nghĩa là : không nhận cái vẻ gió bụi thì sao biết được cái lòng trời đất.

(2) *Đa* là nhiều, *truân* là truân-triên, tức là gian-nan khổ-sở. Ông Âu-dương-Tu có câu rằng: « Hồng nhan thắng nhân đa bạc phận, mạc oán đông-phong đương tự ta 紅顏勝人多薄分, 莫怨東風當自嗟 », nghĩa là: má hồng hơn người thì phần nhiều hay phận bạc, chớ oán gió đông, nên tự thương nỗi mình.

(3) *Bỉ* là kia, *thương* là xanh. *Bỉ thương* là ông xanh kia, tức là ông trời « Du du bỉ thương 悠悠彼蒼 » nghĩa là thăm thẳm ông trời xanh kia.

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-triên.
Xanh kia *thăm thẳm từng trên,*
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

鼓 鼙 聲 動 長 城 月
烽 火 影 照 甘 泉 雲
九 重 按 劍 超 當 席
半 夜 飛 檄 傳 將 軍

DỊCH ÂM

Cổ bề (4) thanh động Trường-thành (5) nguyệt, phong hỏa (6) ảnh chiếu Cam-toàn (7) vân. Cửu-trùng (8) án kiếm khởi dương tịch, bán dạ phi hịch (9) truyền tướng-quân.

DỊCH NGHĨA

Tiếng trống trận vang động đến mặt trăng ở Trường-thành, bóng khói lửa chiếu rọi đến đám mây ở Cam-toàn. Chín lần tuốt gươm đứng dậy đương khi trong tiệc, nửa đêm phi tờ hịch truyền cho tướng-quân.

CHÚ THÍCH

(4) *Cổ* là trống, *bề* là thứ trống lớn đeo trên mình ngựa để chủ tướng dùng làm hiệu-lệnh trong khi ra trận. Bài Trường-hận-ca của ông Bạch-cư-Dị có câu rằng: « Ngư-dương bề cổ động địa lai 漁陽鞞鼓動地來 » nghĩa là trống trận ở đất Ngư-dương bỗng vang động mặt đất mà kéo đến.

(5) *Trường* là dài, *thành* là cái thành. Vua Thủy-hoàng đời Tần đắp một cái thành dài 5.440 dặm để phòng-ngự giặc Hồ gọi là Trường-thành.

(6) *Phong* là khói, *hỏa* là lửa. Đời xưa hay làm một cái đài cao, chứa sẵn cỏ khô ở đấy, phòng khi có giặc thì đốt khói lửa lên làm hiệu.

(7) *Cam-toàn* là tên đất.

(8) *Cửu* là chín, *trùng* là lần. Chỗ điện vua ở thường xây chín bậc. *Cửu-trùng* (chín lần) tức là trỏ ông vua vậy.

(9) *Phi* là bay, *hịch* là tờ hịch. *Phi-hịch* nghĩa là kíp truyền tờ hịch để sai đi đánh giặc.

Trống Tràng-thành *lung lay bóng nguyệt,*

Khói Cam-toàn *mờ-mịt thức mây.*

Chín lần *gươm báu trao tay,*

Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh (1).

CHÚ THÍCH

(1) *Xuất* là ra, *chinh* là đánh. *Xuất-chinh* nghĩa là đem quân ra đi đánh giặc.

清平三百年天下
從此戎衣屬武臣
使星天門催曉發
行人重法輕離別

DỊCH ÂM

Thanh-bình (10) tam bách niên thiên-hạ, tòng thử nhung-y (11) thuộc võ-thần (12). Sứ-tinh (13) thiên-môn (14) thôi hiểu phát, hành-nhân (15) trọng pháp khinh ly-biệt.

DỊCH NGHĨA

Thiên-hạ thanh-bình ba trăm năm, từ đó áo nhung thuộc hàng võ. Sứ tinh ở cửa trời sớm giục phải phát binh, người đi trọng phép công mà khinh sự ly-biệt.

(10) *Thanh bình* cũng tức như thái-bình.

(11) *Nhung* là việc binh, *y* là áo. *Nhung-y* nghĩa là áo dùng về việc binh.

(12) Vũ-thần nghĩa là quan về hàng vũ.

(13) *Sứ-tinh* tức là sứ trời. Sứ-giả truyền mệnh-lệnh của vua, cũng gọi là sứ-tinh. Vua Hòa-đế đời Hán sai hai sứ-giả đến Ích-châu dò thám Lý-Cáp mà không cho biết. Lý-Cáp bảo rằng: « Triều-đình sai hai sứ-giả đến đây, các ngươi có biết không? » Hai người hỏi tại sao lại biết thì Lý-Cáp đáp rằng: « Vì thấy có hai sứ tinh ở trên trời đi về địa-phận Ích-châu».

(14) *Thiên* là trời, *môn* là cửa. *Thiên-môn* nghĩa là cửa trời, tức là cửa trời, tức là cửa nhà vua.

(15) *Hành* là đi, *nhân* là người. Đây trỏ về người đi đánh giặc.

Nước thanh-bình *ba trăm năm cũ,*
Áo nhung *trao* quan-vũ *từ đây.*
Sứ-trời *sớm giục đường mây,*
Phép công là trọng niềm tây (2) sá nào.

CHÚ THÍCH

(2) *Niềm tây* tức là nỗi riêng.

弓箭兮在腰
妻孥兮別袂
獵獵旌旗出塞愁
喧喧簫鼓辭家怨
有怨兮分分攜
有愁兮契闊

DỊCH ÂM

Cung tiễn (16) hề tại yêu, thê noa (17) hề biệt khuyết. Liệp-liệp tinh kỳ (18) xuất tái (19) sầu, huyên-huyên tiêu cổ (20) từ gia (21) oán. Hữu oán hề phân huề (22), hữu sầu hề khế-khoát (23)

DỊCH NGHĨA

Cung tên kia đeo ở lưng, vợ con này phải rứt vạt áo mà từ biệt. Phấp-phới cờ tinh cờ kỳ là cái cảnh sầu đi ra cửa ải, huyên-náo tiếng tiêu tiếng trống là cái lòng oán phải từ-biệt nhà. Có oán mà phải chia tay nhau, có sầu mà phải dặn dò nhau.

CHÚ THÍCH

(16) *Cung tiễn* nghĩa là cung tên.

(17) *Thê noa* nghĩa là vợ con.

(18) *Tinh* là cờ tinh, *kỳ* là cờ kỳ. Thứ cờ dùng trong khi ra trận.

(19) *Xuất* là ra, *Tái* là cửa ải. Đường-thi có câu rằng : « Nhất địch vãn suy xuất tái sầu 一笛聞吹出塞愁 » nghĩa là nghe tiếng ống địch thổi, nghĩ cái cảnh sầu trong khi đi ra cửa ải.

(20) *Tiêu* là ống tiêu, *cổ* là trống. Bài Thu-phong-từ của vua Võ-đế đời Hán có câu rằng: « Tiêu cổ minh hề phát trạo ca 簫鼓鳴兮發棹歌 » nghĩa là tiếng tiêu tiếng trống nổi lên thì bắt mà mở mái chèo.

(21) *Từ gia* nghĩa là từ-biệt nhà cửa.

(22) *Phân huề* nghĩa là chia tay nhau mà ly-biệt.

(23) *Khế khoát* nghĩa là gắn-bó dặn-dò nhau về sự sống chết. Kinh Thi có câu rằng : « Tử sinh khế-khoát, dữ tử thành thuyết 死生契闊與子成說 » nghĩa là chết sống gắn bó nhau, cùng người có lời dặn-dò.

Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa.
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

良人二十異門豪
投筆說今事弓刀
欲把連城獻明聖
願將尺劍斬天驕

DỊCH ÂM

Lương-nhân nhị thập Ngô môn (24) hào, đầu bát nghiễn hề sự cung đao. Dục bả liên thành (25) hiến minh-thánh, nguyện tương xích kiếm trảm thiên kiêu (26).

DỊCH NGHĨA

Người chồng 20 tuổi là một tay hào kiệt ở Ngô-môn, ném bút nghiên đi mà theo việc cung đao. Muốn đem thành liền dâng bậc minh-thánh, quyết cầm thước gươm chém kẻ thiên kiêu.

CHÚ THÍCH

(24) *Ngô-môn* là tên đất. Đất Ngô-môn có nhiều người hào hiệp. Ông Lý Bạch có câu thơ rằng : « Yên-nam tráng-sĩ Ngô-môn hào. Thái-sơn nhất trịch khinh hồng mao 燕南壯士吳門豪泰山一擲輕鴻毛 » nghĩa là tráng-sĩ ở Yên-nam, hào-kiệt ở Ngô-môn, gieo núi Thái-sơn nhẹ như lông chim hồng vậy.

(25) *Liên thành* nghĩa là mấy thành liền nhau.

(26) *Thiên kiêu* là nói quân giặc cường-thịnh, cũng ví như đứa con nuông, khó dạy của trời. Hán-thư có câu rằng : « Hồ dã thiên chi kiêu-tử 胡者天之驕子 » nghĩa là giặc Hồ kia tức là kiêu-tử của trời vậy.

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào-kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành-liền *mong tiến bệ rồng,*
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời.

丈 夫 千 里 志 馬 革
泰 山 一 擲 輕 鴻 毛
便 辭 閨 閫 從 征 戰
西 風 鳴 鞭 出 渭 橋

DỊCH ÂM

Trượng-phu thiên lý chí mã cách (27). Thái-sơn nhất trịch khinh hồng mao (28 Tiện từ khuê-khổn (29) tòng chinh-chiến, tây phong minh tiên xuất Vị-kiều (30).

DỊCH NGHĨA

Trượng-phu chí ở đánh giặc đi nghìn dặm, chết bọc da ngựa mà về, gieo núi Thái-sơn nhẹ tựa lông hồng ; mới từ giã vợ con cửa nhà để đi đánh giặc, nhân gió tây thét roi ra lối cầu sông Vị.

CHÚ THÍCH

(27) *Mã* là ngựa, *cách* là da Ông Mã-Viện đời Hán có nói rằng: « Trượng-phu đương mã cách khỏa thi, ninh khả tử ư nhi-nữ-tử chi

thủ hồ 丈夫當馬革裹尸寧可死於兒女子之手乎» nghĩa là bậc trượng-phu nên phải lấy da ngựa bọc thây, sao lại chịu chết ở trên tay kẻ nhi-nữ ru!

(28) Xem lời chú-thích ở số 24.

(29) *Khuê* là buồng, *khổn* là cửa buồng. *Khuê-khổn* tức là trỏ vợ con cửa nhà.

(30) *Vị* là sông Vị, *kiều* là cầu. Ông Lý-Bạch có câu thơ rằng: « Tuấn mã nhược phong phiêu, minh tiên xuất Vị kiều 駿馬若風飄, 鳴鞭出渭橋 » nghĩa là ngựa tuấn-mã đi nhanh như gió cuốn, thét roi ra lối cầu sông Vị.

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng mao.
Giữa nhà đeo bức chiến-bào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.

渭橋頭清水滿
清水邊青草途
送君處兮心悠悠
君登途兮妾恨不如駒
君臨流兮妾恨不如舟

DỊCH ÂM

Vị kiều đầu, thanh-thủy câu, thanh-thủy biên, thanh-thảo (31) đồ, tống quân xứ hề, tâm du-du. Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu, quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như châu.

DỊCH NGHĨA

Đầu cầu sông Vị, có ngòi nước trong : bên ngòi nước trong, có đường cỏ xanh trong chỗ đưa chàng kia khiến cho lòng tôi dằng dặc. Chàng đi đường bộ thì tôi giận không bằng ngựa ; chàng đi đường thủy thì tôi giận không bằng thuyền

CHÚ THÍCH

Cổ-thi có câu rằng : « Thanh-thanh hà bạn thảo, miên-miên tư cố đạo 青青河畔草, 綿綿思古道 » ngbĩa là trông thấy đám cỏ bờ sông xanh xanh, mà trong lòng áy náy nghĩ đạo đời xưa.

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
Đưa chàng lòng dặc-dặc buồn.
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

清 清 流 水 不 洗 妾 心 愁
青 青 芳 草 不 忘 妾 心 憂
語 復 語 兮 執 君 手
步 一 步 兮 攀 君 襦

DỊCH ÂM

Thanh-thanh lưu-thủy, bất tẩy thiếp tâm sầu, thanh-thanh phương thảo, bất vong thiếp tâm ưu. Ngữ phục ngữ hề chấp quân thủ ; bộ nhất bộ hề phan quân nhu (32).

DỊCH NGHĨA

Trong leo lẻo giòng nước chảy, không rửa được cái sầu trong lòng thiếp ; xanh xanh đám cỏ thơm, không quên được sự lo trong lòng thiếp. Nói rồi lại nói, mà cầm tay chàng ; bước đi một bước, lại vin áo chàng.

CHÚ THÍCH

(32) *Nhu* nghĩa là cái áo ngắn.

Nước có chảy mà phiền khôn rửa,
Cỏ có thơm mà nhớ khó quên
Nhủ rồi tay lại trao liền,
Bước đi một bước lại vin áo chàng

妾心隨君似明月
君心萬里天山篇
擬離杯兮舞龍泉
橫征槊兮指虎穴

DỊCH ÂM

Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt ; quân tâm vạn lý Thiên-sơn (33) tiến. Trịch ly bôi hề vũ Long-toàn (34), hoành chinh-sáo hề chỉ hổ-huyệt (35).

DỊCH NGHĨA

Lòng thiếp theo chàng giống trăng sáng ; lòng chàng muốn đặm như mũi tên ở Thiên sơn Nén chén rượu phân-ly đi mà múa thanh gươm Long-Toán ; cầm ngang ngọn giáo đánh trận kia mà trỏ vào hang hổ.

CHÚ THÍCH

(33) *Thiên-sơn* là tên núi. Tiết-nhân-Qui đời Đường đi đánh Cao-ly, quân giặc rất đông, mà Tiết-nhân-Qui bắn ba phát tên, chết luôn ba người. Quân giặc sợ mà vỡ chạy. Bởi vậy mới có câu hát rằng : « Tướng-quân tam tiễn định Thiên sơn, tráng-sĩ trường ca nhập Hán-quan 將軍三箭定天山壯士長歌入漢關 » nghĩa là ba mũi tên của tướng quân mà định được Thiên-sơn, tráng-sĩ chỉ hát dài mà kéo vào cửa Hán quan vậy.

(34) *Long toàn* là tên một thanh kiếm. Truyện Trương-Hoa ở Tấn-thư có chép rằng: Trong khoảng sao Ngưu sao Đẩu thường có tử-khí. » Lôi-Hoán ở Dự-chương nói : « Đó là cái khí bảo-kiếm xông lên trên trời.» Trương-Hoa hỏi ở về quận nào thì Lôi-Hoán nói : «Ở về Phong-thành, thuộc tỉnh Dự-chương ». Tức thì bổ cho Lôi-Hoán làm quan lệnh tại Phong-thành. Khi Lôi-Hoán đến huyện, sai đào cái nền nhà ngục, đào sâu hơn bốn trượng, bắt

được một cái hòm bằng đá, khi sáng lạ thường. Trong có hai thanh kiếm đều có khắc chữ : « Long-toàn » và một thanh khắc chữ « Thái. a » Đêm hôm ấy, cái tử-khí ở khoảng sao Ngưu và sao Đẩu không thấy hiện nữa.— Hoàn-vũ-Chí chép rằng : «Phía nam huyện Long-toàn, có một con sông rộng năm dặm, có thể dùng để tôi lưỡi kiếm được. Ngày xưa đã có người đem một thanh kiếm đến tôi ở đấy, thanh kiếm bỗng hóa làm con rồng mà bay đi, cho nên người ta thường gọi kiếm là « Long-toàn. »

(35) *Hổ huyệt* nghĩa là hang con hổ. Ban-Siêu đời nhà Hán có nói : « Bất nhập hổ huyệt, an đắc hổ tử 不入虎穴安得虎子 », nghĩa là không vào hang hổ thì sao bắt được con hổ. Ban-Siêu liền cùng 36 người đang đêm xông vào trại giặc, chém được quân giặc rất nhiều.

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi.
Chàng sầu sa tìm cõi Thiên-san.
Mùa gươm rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

云從介子獵樓蘭，
笑向赞溪談馬援
君被裝服紅如霞
君騎驍馬白如雪

DỊCH ÂM

Vân tòng Giới tử liệp Lâu-lan (36) tiễu hướng Man-khê đàm Mã-Viện (37). Quân phi trang-phục hồng như hà, quân kị kiêu-mã bạch như tuyết.

DỊCH NGHĨA

Rằng theo Giới-tử đi săn ở Lâu lan, cười tới Man-khê bàn việc Mã-Viện. Chàng mặc bộ áo sắc đỏ như giáng, chàng cưỡi ngựa khỏe sắc trắng như tuyết.

CHÚ THÍCH

(36) Vua nước *Lâu-lan* giết sứ-giả nhà Hán. Phó-giới-tử là tướng nhà Hán dùng kế đem vàng ngọc sang cho, rồi sai tráng-sĩ đâm chết vua *Lâu-lan*.

(37) Mã-Viện cũng là tướng nhà Hán, đem quân đi đánh giặc ở Man-khê.

Săn Lâu lan rằng theo Giới-tử,
Tới Man-khê bàn sự Phục-ba.
Áo chàng đỏ tựa rằng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

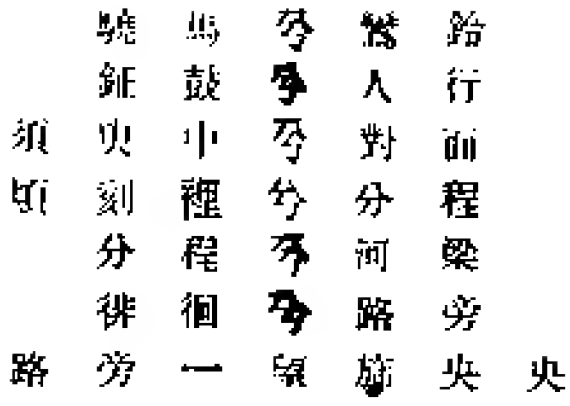

DỊCH ÂM

Kiêu-mã hề loan-linh (38), chinh-cồ (39) hề nhân hành. Tu-du trung hề đối diện, khoảnh-khắc lý hề phân trình. Phân trình hề hà-lương, bồi bồi hề lộ bàng, lộ bàng nhất vọng bái ương-ương.

DỊCH NGHĨA

Con ngựa khỏe kia có tiếng nhạc kêu, tiếng chiêng tiếng trống và người đang đi. Vừa trong vụt-chốc hãy còn đối mặt, mà trong khoảnh khắc đã chia hai ngả. Chia hai ngả vậy thì bến sông Hà, ta ngậm ngùi vậy đứng ở bên đường. Bên đường ngẫng trông thấy cờ bài bay phấp phới.

CHÚ THÍCH

(38) *Loan linh* là nhạc ngựa.

(39) *Chinh* là chiêng, *cồ* là trống. Khi đem quân ra trận, dùng tiếng chuông để trấn-tĩnh, dùng tiếng trống để khua-động, cho nên nói về việc quân thường hay nói chữ « *chinh-cồ* »

Tiếng nhạc ngựa lận chen tiếng trống,

Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

Hà-lương chia rẽ đường này,

Bên đường trồng lá cờ bay ngùi ngùi.

前 軍 北 細 柳

後 騎 西 長 楊

騎 軍 相 擁 君 臨 塞

楊 柳 那 知 妾 斷 腸

DỊCH ÂM

Tiền quân bắc tế-liễu (40, hậu-kỵ tây Trường-dương (41). Kị-quân tương ủng quân lâm tái. dương liễu (42) na tri thiếp đoạn trường (43)

DỊCH NGHĨA

Đội quân trước ở phía bắc đất Tế-liễu, toán kị sau ở phía tây đất Trường-dương. Kị quân cùng đưa chàng tới cửa ải, cây dương-liễu kia có biết nỗi đoạn-trường cho thiếp không.

CHÚ THÍCH

(40) *Tế-liễu* là tên đất, Ông Chu-á-Phu là tướng nhà Hán đi đánh Hung-nô có đóng đồn ở đó gọi là dinh *Tế-liễu* tức là tỉnh Thiểm-tây bên Tàu bây giờ.

(41) *Trường-dương* là tên cung. Đất Tây kinh ở đời Tần có cung *Trường-dương*.

(42) *Dương-liễu* là tên cây. Kinh Thi có câu rằng : « Tích ngã vãng hĩ, dương-liễu y y 昔我往矣，楊柳依依 », nghĩa là lời người chinh-phu nói khi xưa ta đi, cây dương-liễu mơn-mởn. Lại có câu thơ rằng : « Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc, hối giao phu-tế mịch phong hầu 忽見陌頭楊柳色，悔教夫壻覓封侯 », nghĩa là : sực trông thấy sắc cây dương-liễu ở đầu bờ thì hối việc bảo chồng đi cầu ấn phong-hầu (tức là đi đánh giặc để lập công).

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng-dương.
Quân đưa chàng ruỗi lên đường,
Liễu dương biết thiếp đoạn-trường này chăng.

去去落梅聲漸遠
行行征旆色何忙
望雲去兮郎別妾
望山歸兮妾思郎

DỊCH ÂM

Khứ khứ (4) lạc mai thanh tiệm viễn, hành hành (43) chinh bài sắc hà mang. Vọng vân khứ hề lang biệt thiếp, vọng sơn qui hề thiếp tư lang (44)

DỊCH NGHĨA

Khi đi, nghe tiếng hoa mai rụng dần dần thêm xa, trông sắc cờ bài bay xiết bao bối rối. Trông mây đi vậy chàng biệt thiếp, trông núi về vậy thiếp nhớ chàng.

CHÚ THÍCH

(43)-(43) *Khứ khứ* và *hành hành* đều nghĩa là đi, tức là nói trong khi đi đường.

(44)*Mạnh-hạo-Nhiên* có câu thơ rằng: «Quân vọng bạch vân khứ, dư vọng thanh sơn qui 君望白雲去予望青山歸» nghĩa là: ngươi trông mây trắng mà đi, ta trông núi xanh mà về. Lại có câu cổ-thi rằng: « Nhất phiến bạch vân thanh-sơn nội, nhất phiến bạch vân thanh sơn ngoại; thanh-sơn nội ngoại hữu bạch-vân, bạch-vân ký xuất thanh-sơntại — 片白雲青山內, 一片白雲青山外; 青山內外有白雲, 白雲既出青山在», nghĩa là: một đám mây trắng trong núi xanh, một đám mây trắng ngoài núi xanh; trong ngoài núi xanh có mây trắng, mây trắng đã đi núi xanh ở.

Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phất-phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn-ngơ nỗi nhà

郎 去 程 兮 濛 雨 外
妾 歸 處 兮 昨 夜 房
歸 去 兩 回 顧
雲 青 與 山 蒼

DỊCH ÂM

Lang khứ trình hề mông vũ (45) ngoại, thiếp qui xứ hề tạc dạ phòng. Qui khứ lưỡng hồi cố, vân thanh dữ sơn thương.

DỊCH NGHĨA

Đường chàng đi ở ngoài nơi mưa phùn, chỗ thiếp về ở cái phòng đêm trước. Kẻ đi người về, hai bên cùng ngảnh trông, chỉ thấy mây xanh và núi biếc

CHÚ THÍCH

(45) *Mông vũ* nghĩa là mưa nhỏ, hoặc mưa phùn. Kinh-Thi có câu rằng : « Ngã lai tự đông, linh vũ kỳ mông 我來自東零雨其濛» nghĩa là : ta từ phương đông đến, trời xuống mưa phùn.

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn,
Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh

郎 顧 妾 兮 咸 陽
妾 顧 郎 兮 瀟 湘
瀟 湘 烟 隔 咸 陽 樹
咸 陽 樹 隔 瀟 湘 江

DỊCH ÂM

Lang cố thiếp hề Hàm-dương (46), thiếp cố lang hề Tiêu-tương (47). Tiêu-tương yên cách Hàm-dương thụ, Hàm-dương thụ, cách Tiêu-tương giang.

DỊCH NGHĨA

Chàng đoái thiếp ở đất Hàm-dương, thiếp trông chàng ở sông Tiêu-tương. Khói sông Tiêu-tương cách cây đất Hàm-dương, cây đất Hàm-dương lại cách sông Tiêu-tương.

CHÚ THÍCH

(46) *Hàm-dương* là tên đất, tức là Tây-kinh của nhà Tần.

(47) *Tiêu-tương* là tên sông. Cổ-thi có câu rằng: « Sổ thanh phong-địch ly-đình vãn, quân hướng Tiêu-tương ngã hướng Tần 數聲風笛

雒亭晚君向瀟湘我向秦», nghĩa là: mấy tiếng ống địch về buổi chiều ở chỗ ly-đình, bấy giờ người sang Tiêu-tương ta sang Tần. Ông Bạch-lạc-Thiên có câu rằng: « Thiếp lộng thanh-mai bằng đoản tường, quân kị bạch mã quá thùy-dương. Thùy dương mã thượng dạc tương cố, tương cố bất tương kiến, linh quân không đoạn-trường. Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương cố bất tương kiến cộng ẩm Tương-giang thủy 妾弄青梅憑短牆,君騎白馬過垂楊. 垂楊馬上遙相顧,相顧不相見,令君空斷腸.君在湘江頭,妾在湘江尾,相顧不相見共飲湘江水» nghĩa là thiếp vin cành thanh-mai tựa bức tường ngắn, chàng cưỡi con bạch-mã qua cây dương dủ; trên mình ngựa chỗ cây dương dủ kia chàng còn ngảnh trông, cùng trông mà cùng không thấy, khiến chàng luống đau lòng. Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sôngTương, cùng trông mà cùng không thấy ,cùng uống nước sông Tương.

Chốn Hàm-dương chàng còn ngảnh lại,

Bến Tiêu-tương thiếp hãi trông sang.

Khói Tiêu-tương cách Hàm-dương,

Cây Hàm-dương cáeh Tiêu-tương mấy trùng.

相 顧 不 相 見
青 青 陌 上 桑
陌 上 桑 陌 上 桑
妾 意 君 心 誰 短 長

DỊCH ÂM

Tương cố bất tương kiến, thanh-thanh mạch thượng tang (48), mạch thượng tang, mạch thượng tang, thiếp ý quân tâm thùy đoản trường.

DỊCH NGHĨA

Cùng trông lại mà cùng không thấy, chỉ thấy xanh xanh bụi dâu ở trên đường. Bụi dâu trên đường kia, bụi dâu trên đường kia, ý thiếp lòng chàng ai ngắn và ai dài

CHÚ THÍCH

(48) Cổ-thi có câu rằng: « Niễu-niễu thành biên liễu, thanh-thanh mạch thượng tang 嫋嫋城邊柳青青陌上桑 », nghĩa là : thướt-tha cây liễu bên thành, xanh-xanh bụi dâu trên đường.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

自 從 別 後 風 沙 隘
明 月 知 君 何 處 宿
古 來 征 戰 場
萬 里 無 人 屋

DỊCH ÂM

Tự tòng biệt hậu phong sa lũng, minh nguyệt tri quân hà xứ túc (49). Cổ lai chinh-chiến trường, vạn lý vô nhân ốc.

DỊCH NGHĨA

Từ sau khi ly-biệt, chàng đến nơi gió cát, trăng sáng chiếu xuống, biết chàng ngủ ở chỗ nào. Xưa nay chỗ chiến-trường, muôn dặm không nhà cửa và người ở.

CHÚ THÍCH

(49) Đường-thi có câu rằng: « Kim dạ nguyệt minh hà xứ túc, cửu tiêu vân quyển bích sâm-si 今夜月明何處宿, 九霄雲捲碧參差 » nghĩa là trăng sáng đêm nay ngủ ở đâu, chín lần mây cuốn xanh bát-ngát. Lại có câu rằng: « Kim dạ bất tri hà-xứ túc, bình-sa vạn lý tuyệt nhân hành 今夜不知何處宿, 平沙萬里絕人行 » nghĩa là đêm nay không biết ngủ nơi nào, bãi cát phẳng muôn dặm tuyệt không có người đi.

Chàng từ đi vào nơi gió cát.
Đêm trăng này nghỉ mát phương nao ?
Xưa nay chiến địa nhường bao !
Nỗi khôn muôn đặm xiết sao dãi dầu !

風緊緊打得人顏悴
水深深牲得馬蹄促
戍夫枕鼓臥龍沙
戰士抱犴眠虎帳

DỊCH ÂM

Phong khẩn-khẩn đả đắc nhân nhan tụy, thủy thâm thâm khiếp đắc mã đề súc. Thú-phu trầm cổ ngọa long-sa (50), chiến-sĩ bão yên miên hổ-lục (51).

DỊCH NGHĨA

Gió hun-hút đánh được mặt người rầu-rĩ, nước thâm-thẳm ghé cho chân ngựa gấp-khúc. Linh thú gối trống nằm bãi long-sa, quân chiến ôm yên ngủ cồn hổ-lục.

CHÚ THÍCH

(50) *Long-sa* là một bãi cát lớn ở ngoài cửa ải. Có người nói hình giống con rồng cho nên gọi là Long sa. Lưu-hiếu-Tiêu có câu thơ rằng: « Long-sa tiêu nguyệt minh 龍沙宵月明 »

nghĩa là trăng đêm sáng rọi ở bãi Long-sa. Về sau người Tàu hay thông-dụng chữ « Long-sa » để trỏ các địa-phương ở ngoài cửa ải. Hiện nay ở vùng Hắc-long-giang vẫn gọi là Long-sa.

(51) *Hồ-lục* cũng tức như hồ-khâu. Vua Ngô là Hạp.Lư chết, chôn ở phía tây trong vườn, có khí kim-tinh bốc lên, hóa làm con hổ trắng, ngồi ở bên mộ, vậy nên người sau hay gọi nơi phần mộ là *hổ-khâu*.

Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn,
Giống nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.

今朝漢下白登城
明日胡窺青海曲
青海曲青山高復低
青山前青溪斷復續

DỊCH ÂM

Kim chiêu Hán hạ Bạch-đăng (52) thành, minh nhật Hồ khuy Thanh-hải (53) khúc, Thanh-hải khúc thanh-sơn cao phục đê ; thanh sơn tiền thanh khê đoạn phục tục.

DỊCH NGHĨA

Sớm nay quân Hán đánh thành Bạch-đăng, ngày mai giặc Hồ dòm khúc Thanh-hải. Khúc Thanh-hải, núi xanh cao lại thấp ; trước núi xanh ngòi nước đứt lại nối.

CHÚ THÍCH

(52-53) Ông Lý-Bạch có câu rằng : « Hán hạ Bạch-đăng thành, Hồ khuy Thanh-hải độ, cổ lai chinh chiến địa, kỷ kiến hữu nhân hoàn 漢下白登城，胡窺青海渡，古來征戰地，幾見有人還 » nghĩa là quân Hán đánh thành Bạch đăng, giặc Hồ dòm bến Thanh-hải ; xưa nay chỗ chiến-trận, ít thấy có ai về.

Nay Hán xuống Bạch-thành đóng lại,

Mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.

Hình khe thế núi gần xa,

Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.

青山上雪漾頭
青溪下水沒腹
可憐多少鉄衣人
思歸當此愁顏變

DỊCH ÂM

Thanh sơn thượng tuyết mông đầu, thanh-khê hạ thủy một phúc. Khả liên đa thiểu thiết-y (54) nhân, tư qui đương thử sầu nhan sóc (55)

DỊCH NGHĨA

Trên núi xanh tuyết đầy đầu ; dưới ngòi biếc nước ngập bụng. Đáng thương bao nhiêu người áo giáp, nhớ về lúc ấy mặt buồn những nhăn-nhó.

CHÚ THÍCH

(54) *Thiết* là sắt *y* là áo. *Thiết-y* tức là áo giáp. Cổ-thi có câu rằng : « Hàn quang chiếu thiết y 寒光照鉄衣 » nghĩa là bóng trăng soi áo giáp.

(55) Ông Lý-Bạch có câu rằng : « Thú khách vọng biên sắc, tư quy đa khổ nhan 戍客望邊色, 思歸多苦顏 » nghĩa là người đi thú trông cảnh ngoài biên-thùy, nhớ nhà không muốn về nét mặt thường rầu-rĩ.

Sương đầu núi buổi chiều, như giội,

Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.

Não người áo giáp bấy lâu,

Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.

錦帳君王知也無
艱難誰爲畫征夫
料想良人經歷處
蕭關角澣海隅
霜村雨店虎落蛇區
風餐露宿雪脛冰鬚
登高望天色
安得不生愁

DỊCH ÂM

Cầm-trương quân-vương trí dã vô, gian-nan thùy vị họa chinh-phu. Liệu tưởng lương-nhân kinh-lịch xứ; Tiêu-quan dốc, Cán-hải ngu, sương thôn vũ điếm, hổ lạc xà khu, phong xôn lộ túc, tuyết hĩnh băng tu (56); đăng cao vọng vân sắc, an đắc bất sinh sầu.

DỊCH NGHĨA

Quân-vương ở trên trướng gấm có biết cho không, ai vì kẻ chinh-phu mà vẽ cái cảnh gian-nan ấy. Liệu tưởng những chô người chồng ta đã kinh-lịch đến là: góc Tiêu-quan, bên Cán-hải, nào nơi sương vũ, nào chỗ hổ xà, ăn gió nằm sương, tuyết ngập chân, băng đầy râu. lên cao trông sắc mây, tài nào không sinh buồn.

CHÚ THÍCH

(56) Bài Điếu-chiến-trường có câu rằng : « Tích tuyết một thỉnh, kiên băng tại tu 積雪沒脛, 堅冰在鬚 » nghĩa là tuyết tích ngập chân, băng đóng ở râu.

Trên trường-gấm thấu hay chăng nhẽ ?
Mặt chinh-phu ai vẽ cho nên,
Tưởng chàng giong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Cán hải thì miền Tiêu-quan.
Đã chắc-chở đòi ngàn xà-hổ,
Lại lạnh-lùng những chổ sương-phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.

自後別後東南微
東南知君戰何道
古來征戰人
性命輕如草

DỊCH ÂM

Tự tòng biệt hậu đông nam khiếu, đông nam tri quân chiến hà đạo. Cổ lai chinh-chiến nhân, tính mệnh khinh như thảo (57).

DỊCH NGHĨA

Từ sau khi ly biệt chàng đi về mặt đông-nam, mặt đông nam kia nào biết chàng đánh ở đường nào. Xưa nay người chinh chiến, tính-mệnh khinh như cỏ.

(57) Hán-thư có câu rằng : « Thị nhân tính-mệnh khinh như thảo-giản 視人性命輕如草芥 nghĩa là : coi tính-mệnh người ta, khinh như cỏ rác.

Chàng từ sang đông-nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như mầu cỏ cây.

鋒刃下溫溫挾纊主恩深
時刻中歷歷橫戈壯士天
祈山俯塚月茫茫
澠水新墳風裊裊

DỊCH ÂM

Phong nhận hạ, ôn-ôn hiệp khoáng (58) chủ ân thâm ; thời-khắc trung, lịch-lịch hoành qua tráng-sĩ yểu. Kỳ-sơn (59) cựu-chủng nguyệt mang-mang (60), Phì-thủy (61) tân-phần phong niểu-niểu (62).

DỊCH NGHĨA

Dưới mũi nhọn mà ấm-ấm như người cắp bông, vì có ơn vua sâu ; trong thới-khắc mà lườn-lượt ngả ngang ngọn dao, vì số kẻ tráng-sĩ thường chết non. Mộ cũ ở Kỳ-sơn, bóng trăng mờ-mờ, mả mới ở Phi-thủy, ngọn gió hây-hẩy.

(58) *Hiệp-khoáng* nghĩa là cắp bông. Tả-truyện chép rằng : Vua Sở đi đánh nước Tiêu, bấy giờ tiết trời rét quá. Vua Sở đi tuần khắp các hàng quân mà phủ-dụ. Quân sĩ đều vui lòng mà quên sự rét, như người cắp bông được ấm vậy.

(59) *Kỳ-sơn* là tên núi. Hoắc-khứ-Bệnh đời Hán phá quân giặc ở Kỳ liên-sơn, chém được rất nhiều. Đến khi Hoắc-khứ-Bệnh tạ thế, vua Hán sai đắp mộ phần giống như hình Kỳ-liên-sơn.

(60) *Mang-mang* là mờ-mờ. Cổ-thi có câu rằng : « Nhân gian vô lộ nguyệt mang-mang 人間無路月茫茫 » nghĩa là cõi đời không tìm thấy đường, chỉ thấy bóng trăng mờ-mờ.

(61) *Phi-thủy* là tên sông. Bồ-Kiên nước Tần đem quân đánh Tấn ở sông Phi-thủy bằng trăm vạn quân, mà khi thua trận, mười phần chết mất đến tám chín.

(62)*Niễu-niễu* là hây-hẩy. Cổ-thi có câu rằng: «Liễu mạch y nhiên phong niễu-niễu 柳陌依然風嫋嫋» nghĩa là bờ liễu hiện nay gió hây-hẩy.

Nức hơi mạnh ơn dầy từ trước,
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu ?
Non Kỳ quanh cõi trăng treo,
Bến Phì gió thổi điều hiu mấy gò.

風 嫋 嫋 空 吹 死 士 魂
月 茫 茫 曾 照 征 夫 貌
征 夫 貌 誰 丹 青
死 士 魂 誰 哀 弔

DỊCH ÂM

Phong liễu-liễu không suy tử-sĩ hồn, nguyệt mang-mang tăng chiếu chinh-phu mạo. Chinh-phu mạo thùy đan-thanh (63), tử-sĩ hồn thùy ai-điếu (64).

DỊCH NGHĨA

Gió hây-hẩy luống thổi hồn tử-sĩ, trăng mờ-mờ từng chiếu mặt chinh-phu. Mặt chinh-phu nào ai vẽ, hồn tử-sĩ nào ai gọi

(63) *Đan* là đỏ, *thanh* là xanh. *Đan-thanh* nghĩa là vẽ. Bùi Tấn-công đời Đường tự đề bức họa tượng rằng : « Nhĩ thân bất trường, nhĩ mạo bất dương, hồ vi tướng, hồ vi tướng. Nhất điểm linh-đài, đan-thanh mạc trạng 爾身不長，爾貌不揚，胡爲將，胡爲相，一點靈臺，丹青莫狀 » nghĩa là mình ngươi không dài, mặt ngươi không tươi, sao ngươi làm nổi tướng võ, sao ngươi làm nổi tướng văn. Một điểm linh-đài (tức là tấm lòng) kia, dẫu vẽ thuốc xanh đỏ cũng không giống được.

(64) *Ai* là thương, *điếu* là viếng.

Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,

Mặt chinh-phu trăng dõi-dõi soi.

Chinh-phu tử-sĩ mấy người,

Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn ?

可憐爭鬪蔽山川
行人過此情多少
古來征戰幾人還
班超歸時鬢已班

DỊCH ÂM

Khả liên tranh-chiến cựu sơn xuyên, hành-nhân quá thử tình đa thiểu (65), cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hoàn, Ban Siêu qui thời mấn đĩ ban (66)

DỊCH NGHĨA

Đáng thương những chỗ núi sông tranh-chiến cũ, hành nhân qua đó biết bao tình. Xưa nay chinh-chiến mấy người về, Ban-Siêu khi về tóc đã bạc.

CHÚ THÍCH

(65) *Đa* là nhiều, *thiểu* là ít *Đa thiểu* nghĩa là nhiều ít không biết bao nhiêu mà kể.

(66) *Ban-Siêu* là danh tướng đời Hán Minh-Đế, tên tự là Trọng-Thăng. Phụng mệnh sang xứ Tây-vực, thu-phục được hơn 50 nước. Ban-Siêu ở nước Tây-vực 31 năm, mới có người thay cho về. Khi về đầu tóc đã bạc.

Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già ruổi chiến trường,
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.

料想良人馳騁外
三尺劍一戎鞍
秋風沙草明月關山
馬頭鳴鏑城上線竿

功 名 肯 忙 裡
勞 苦 未 應 閒
勞 與 閒 兮 誰 與 言
君 在 天 涯 妾 倚 門

DỊCH ÂM

Liệu tưởng lương-nhân trì-sinh ngoại, tam xích kiếm, nhất nhung an, thu phong sa-thảo, minh nguyệt quan-sơn ; mã đầu minh trích (67), thành thượng duyên cao (68). Công-danh bách mang lý, lao khổ vị ưng nhàn. Lao dữ nhàn bề thùy dữ ngôn, quân tại thiên-nhai (69) thiếp ỷ môn.

DỊCH NGHĨA

Liệu tưởng ngoài chỗ người chồng ta đang giong-ruổi, ba thước gươm một cỗ yên ngựa, gió thu thổi ngọn cỏ ở bãi cát, trăng sáng chiếu sườn non ở cửa ải, tên kêu đầu ngựa, gió lan mặt thành. Công-danh trong lúc trăm đường bỗi rối, lao-khổ chưa được nhàn. Lao khổ hay an nhàn biết nói cùng ai, chàng ở bên trời, thiếp tựa trong cửa.

CHÚ THÍCH

(67) *Minh* là kêu, *trích* là mũi tên. *Minh trích* là khi bắn nỏ thì mũi tên vang thành ra tiếng. Chúa Hung-nô dùng mũi tên kêu để ra hiệu-lệnh cho các quân-sĩ, gọi là minh-trích.

(68) *Duyên* là leo, *can* là cái cán giáo bằng trúc. *Duyên can* là leo ngọn giáo mà lên mặt thành.

(69) *Thiên* là trời, *nhai* là bờ. *Thiên-nhai* tức là bên trời, một phương xa ở chân trời. Cổ-thi có câu rằng : « Quân tại thiên-nhai, thiếp tại Ngô ; quân hành tư thiếp, thiếp tư phu ; kỷ hồi thư-tín kỷ hàng lệ, hàn đáo quân biên y đáo vô ? 君在天涯妾在吳，君行思妾，妾思夫；幾回書信幾行淚，寒到君邊衣到無 » nghĩa là chàng ở bên trời thiếp ở Ngô ; chàng đi nhớ thiếp, thiếp nhớ chàng (tức là chồng); mấy lần thư-tín mấy hàng lệ; rét đến bên chàng, áo gởi có đến được không ?

Tưởng chàng chải nhiều bề nắng nỏ,

Ba thước gươm một cỗ nhung yên.

Sông pha gió bãi trăng ngàn,

Tên treo đầu ngựa, pháo ran mặt thành

Áng công-danh trăm đường rộn-rã.

Những nhọc-nhằn nào đã nghỉ ngơi

Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,

Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.

倚 門 囘 首 今 生 分
天 涯 豈 君 平 生 魂
自 信 相 隨 魚 水 作
那 堪 相 隔 水 雲 村

DỊCH ÂM

Ỷ môn cố thiếp kim sinh phận, thiên-nhai khởi quân bình-sinh hồn. Tự tín tương tùy ngư-thủy (70) bạn, na kham tương cách thủy-vân (71) thôn.

DỊCH NGHĨA

Tựa cửa vốn là cái phận kiếp này của thiếp, bên trời nào phải cái hồn xưa nay của chàng. Vẫn tưởng cùng theo nhau làm bạn cá nước, ngờ đâu cùng cách-biệt ở chỗ nước mây kia.

CHÚ THÍCH

(70) *Ngư-thủy* nghĩa là cá nước duyên ưa. Ông Lưu-Bị nhà Hán thường nói : « Cô đắc Khổng-Minh do ngư chi đắc thủy 孤得孔明猶魚之得水 » nghĩa là ta được Khổng-Minh, cũng ví như con cá được nước vậy. Vua Hoàn-Công nước Tề sai Quản-Trọng cầu Ninh-Thích. Ninh-Thích trả lời rằng : « Hạo-hạo hồ 浩浩乎 » nghĩa là nước mông-mênh ru ! Quản-Trọng không hiểu, sau có đứa nữ-tỳ nói : Cổ-thi có câu rằng : « Hạo-hạo giả thủy,

dục-dục giả ngu ; vị hữu thất-gia nhi an triệu ngã cư 浩浩者水，有育者魚，未有室家而安召我居» (nghĩa là nước mênh-mông kia, cá nhung-nhúc kia ; chưa có cửa nhà thì định triệu ta ở đâu). Thế là Ninh-Thích có ý muốn ra làm quan. Vì mấy điều này, cho nên đời sau hễ thấy ai vợ chồng hòa-mục thì cũng khen là cá nước duyên ưa.

(71) *Thủy-vân* nghĩa là có ý cách xa chân mây mặt nước vậy.

Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay.
Những mong cá nước vui vầy,
Bao giờ đổi ngả nước mây cách vời.

妾 身 不 想 爲 征 婦
君 身 豈 學 爲 王 孫
何 事 江 南 與 江 北
令 人 愁 曉 又 愁 昏

DỊCH ÂM

Thiếp thân bất tương vi chinh-phụ, quân thân khởi học vi vương-tôn (72) ; hà sự giang nam dữ giang bắc (73), linh nhân sầu hiểu hựu sầu hôn.

DỊCH NGHĨA

Thân thiếp chẳng ngờ làm chinh-phụ, thân chàng há học làm vương-tôn ; cớ sao cách-trở giang-nam cùng giang-bắc, khiến người buồn ngày lại buồn đêm.

CHÚ THÍCH

(72) *Vương-tôn* là con cháu nhà qui-phái, lại cũng có nghĩa là người đi chơi xa. Sở-từ có câu rằng : « Vương-tôn du hề bất qui, phương thảo sinh hề thê-thê 王孫遊兮不歸芳草生兮萋萋 » nghĩa là chàng vương-tôn đi chơi xa chưa về, cỏ thơm mọc đã thấy tốt ngùn.ngụt.

(73) Đường-thi có câu rằng : Minh nguyệt phân khâm hựu hà xứ, giang nam giang bắc vân du du 明月分襟又何處，江南江北雲悠悠 » nghĩa là bóng trăng sáng chia vạt áo lại ở chỗ nào, giang-nam và giang-bắc chỉ thấy mây đùn-đùn vậy.

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh-phụ,

Chàng há từng học lũ vương tôn,

Cớ sao cách trở nước non,

Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu.

一箇是風流少年客
一箇是風流少年婿
可憐兩年少
千里各寒暄

DỊCH ÂM

Nhất cá thị phong-lưu thiếu-niên khách, nhất cá thị phong-lưu thiếu-niên hôn ; khả liên lưỡng niên-thiếu, thiên lý các hàn-huyên(74).

DỊCH NGHĨA

Một bên là trai phong-lưu tuổi trẻ, một bên là gái phong-lưu tuổi trẻ ; đáng thương hai gã tuổi trẻ, cách nhau nghìn dặm thì sao mà thăm hỏi được.

CHÚ THÍCH

(74) Chữ 寒暄 cũng như chữ 寒溫. *Hàn* là lạnh, *ôn* là ấm, nghĩa là những câu thù-ứng trong khi chủ khách chào nhau, bởi đến sự tiết trời ấm lạnh.

Chàng phong lưu đương chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên,
Nỡ nào đôi lứa thiếu-niên,
Quan sơn để cách hàn huyên bao đành ?

憶昔與君相別時
柳條猶未嚲黃鸝

問君何日歸
待約杜鵑啼
杜鵑已逐黃鸝老
青瑣樓前語鷰鶯

DỊCH ÂM

Ức tích dữ quân tương-biệt thời, liễu điền do vị chuyển hoàng-ly (75). Vấn quân hà nhật qui, quân ước đỗ-quyên (76) đề. Đỗ-quyên dĩ trục hoàng-ly lão, thanh-liễu lân tiền ngữ ý-nhi (77)

DỊCH NGHĨA

Nhớ xưa cùng chàng trong khi tương-biệt, cành liễu còn chưa có con hoàng-ly hót. Hỏi chàng bao giờ về? Chàng hẹn đến khi con đỗ-quyên kêu. Nay con đỗ-quyên đã theo con hoàng-ly mà già đi rồi, trước lầu thanh-liễu đã có con ý-nhi hót.

CHÚ THÍCH

(75) *Hoàng-ly* tức là chim sương-canh, lại một tên nữa gọi là hoàng-oanh. Giống chim này sắc tro, lưng hơi vàng, bụng hơi trắng, đuôi có lông đen. Hai con trống mái thường cùng bay theo nhau, cứ về hồi tháng hai thì hay hót, mà tiếng nghe rất hay.

(76) *Đỗ-quyên* tức là chim Đỗ-vũ, lại một tên nữa gọi là tử-qui. Giống chim này mỏ bằng, cuối mỏ trên hơi cong, mồm rộng đuôi dài, lưng sắc tro đen, bụng trắng, lại có vằn

đen ngang. Cứ về hồi tháng tư thì tiếng kêu thê-thảm, khiến người đi xa nghe động lòng quê.

(77) *Ý-nhi* tức là chim yến. Hay hót về tiết thu. Trang-tử có câu rằng : « Điểu mạc tri ư ý-nhi 鳥莫知於鸃鵙 » nghĩa là các giống chim thì chẳng giống nào khôn bằng ý-nhi.

Thuở làm hành oanh chưa bén liễu,

Hồi ngày về ước nẻo quyên ca.

Nay quyên đã giục oanh già,

Ý-nhi tại gáy trước nhà líu-lo.

憶昔與君相別中
雪梅猶未識東風
問君何日歸
君指桃花紅
桃花已逐東風去
老梅江上又芙蓉

DỊCH ÂM

Ức tích dữ quân tương-biệt, trung tuyết mai do vị thức đông-phong (78) Vấn quân bà nhật quy ? Quân chỉ đào hoa hồng (79). Đào hoa dĩ trục đông-phong khứ, lão mai giang thượng hựu phù-dung (80).

DỊCH NGHĨA

Nhớ xưa cùng chàng trong khi tương-biệt, tuyết mai còn chưa biết gió đông. Hỏi chàng bao giờ về? Chàng hẹn đến khi hoa đào đỏ. Nay hoa đào đã theo gió đông đi, mai già trên bờ sông lại thấy có hoa phù-dung.

CHÚ THÍCH

(78) *Tuyết-mai* nghĩa là cây mai trong đám tuyết, tức là mùa đông.

(79) *Đào hoa-hồng* là hoa đào đỏ, tức là tiết xuân.

(80) *Phù-dung* là về mùa hạ.

Thuở đằng đồ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông,
Phù-dung lại đã bên sông bơ-sờ.

與君約何處
乃約隴西岑
日中孕不來
墜葉兜我簪
佇立空涕泣
荒邱喧午禽

DỊCH ÂM

Dữ quán ước bà xứ, nãi ước Lũng-tây sầm (81), nhật trong hề bất lai, trụy diệp dâu ngã trâm. Trữ lập không thế khấp, hoang khâu (82) huyên ngọ cầm.

DỊCH NGHĨA

Ta cùng chàng hẹn chỗ nào, liền hẹn ở trái núi tại Lũng-tây ; ngày đã trưa mà không thấy chàng đến, chỉ thấy lá cây dụng cành trâm của ta. Ta đứng trông luống sụt sùi khóc, chỗ gò hoang buổi trưa huyên-náo tiếng chim.

CHÚ THÍCH

(81) *Lũng-tây* là tên đất, *sầm* là cái núi nhỏ mà cao.

(82) Chữ 荒 邱 có bản làm chữ 荒 村 nghĩa là một xóm ở chỗ biên-hoang.

Hẹn cùng ta Lũng-tây-nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm ?
Ngập-ngừng lá rụng cành trâm,
Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm sôn sao.

與 我 約 何 所
乃 約 漢 陽 橋
日 晚 兮 不 來
谷 風 吹 我 袍
佇 立 空 涕 泣
寒 江 起 暮 潮

DỊCH ÂM

Dữ ngã ước hà sở, nãi ước Hán-dương kiều (83) ; nhật vãn hề bất lai, cốc phong (84) suy ngã bào. Trữ lập không thê khấp, hàn-giang khởi mộ-trào.(85)

DỊCH NGHĨA

Chàng cùng ta ước chỗ nào, liền ước ở dịp cầu lại Hán-dương ; ngày đã chiều mà không thấy chàng đến, chỉ thấy gió đông thổi vạt áo của ta. Ta đứng trông luống xùi-xụt khóc, chỗ hàn-giang buổi tối ỳ-ầm tiếng thủy-trào.

CHÚ THÍCH

(83) Cái cầu ở đất Hán-dương.

(84) Gió đông thì gọi là *cốc-phong*.

(85) *Trào* là nước thủy trào. Nước bể bị hấp-lực của mặt trời và mặt trăng thì mỗi ngày có lúc dâng lên, có lúc rút xuống, người ta thường gọi là nước thủy-trào. Nước trào về buổi sớm thì gọi là trào (潮), về buổi chiều thì gọi là tịch (汐).

Hẹn nơi nao Hán-dương cầu nọ,
Chiều lại tìm nào có tiêu-hao,
Ngập-ngừng gió thổi chiến bào,
Bãi hôm luôn dẫy nước trào mênh mông.

昔 年 寄 信 勸 君 回
今 年 寄 信 勸 君 來
　 信 來 人 未 來
楊 花 零 落 委 蒼 苔
蒼 苔 蒼 苔 又 蒼 苔
一 步 閒 庭 自 感 徘

DỊCH ÂM

Tích niên ký tín khuyến quân hồi, kim niên ký tín khuyến quân lai. Tín lai nhân vị lai, dương-hoa (86) linh-lạc ủy thương đài. Thương đài, thương đài hựu thương đài, nhất bộ nhàn đình bách cảm thôi.

DỊCH NGHĨA

Năm xưa gởi tin khuyên chàng về, năm nay gởi tin khuyên chàng lại. Tin lại người chưa lại, hoa dương rơi rụng xuống rêu xanh. Rêu xanh, rêu xanh lại rêu xanh, một bước thủng-thỉnh quanh sân mà trăm mối cảm tình xúc động.

CHÚ THÍCH

(86) Cây *dương* cũng giống như cây liễu, nhưng cành liễu yếu mà dủ xuống, cành dương thì cứng mà vênh lên, chia làm hai loài, nhưng vì giống nhau, cho nên cổ nhân thường gọi chung một tiếng là dương-liễu. Cây dương cứ về mùa xuân thì nở tuệ giống hoa, có bông trắng bay rụng

Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa đương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Sân đi một bước trăm tình ngẩn-ngơ.

昔 年 回 書 訂 妾 期
今 年 回 書 訂 妾 歸
書 歸 人 未 歸
紗 窗 寂 寞 轉 斜 暉
斜 暉 斜 暉 又 斜 暉
十 約 佳 期 九 度 違

DỊCH ÂM

Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ, kim niên hồi thư đính thiếp qui. Thư qui nhân vị qui, sa song tịch-mịch chuyển tà-huy (87). Tà huy, tà huy hựu tà huy, thập ước giai kỳ cửu độ vi.

DỊCH NGHĨA

Năm xưa chàng gởi thư hẹn thiếp về, năm nay chàng lại gởi thư hẹn thiếp về. Thư về người chưa về, song the tịch-mịch khiến cho bóng xế ngày qua. Bóng xế, bóng xế lại bóng xế, mười lần hẹn tin mừng thì chín lần sai.

CHÚ THÍCH

(87) *Tà* là lệch, *huy* là bóng sáng mặt trời. *Tà-huy* nghĩa là bóng xế.

Thư thường tới người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa lần dãi bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.

試 將 去 日 蓮 頭 數
不 覺 荷 錢 已 三 錢
最 苦 是 連 年 紮 塞 人
最 苦 是 千 里 黃 花 戍

DỊCH ÂM

Thí tương khứ nhật tòng đầu sổ, bất giác hà tiền dĩ tam chú (88). Tối khổ thị liên niên tắc-tái (89) nhân, tối khổ thị thiên lý hoàng-hoa thú (90).

DỊCH NGHĨA

Hãy kể bắt đầu từ khi chàng ra đi thấm-thoắt không ngờ tiền sen đã ba lần đúc. Rất khổ là người luôn năm ở nơi cửa ải đất đỏ, rất khổ là người đi lính xa-xôi nghìn dặm trong tiết hoa vàng.

CHÚ THÍCH

Hà là loài sen, thường mọc ở chỗ nước nông. Lá to mà tròn, cuống nhỏ mà dài. Cứ về mùa hạ thì nở hoa, có thứ hoa đỏ, có thứ hoa trắng. Khi lá mới mọc, nhỏ như đồng tiền thì gọi là hà-tiền.

(89) *Tử* là tía, *tái* là cửa ải. Nhà Tần đắp trường-thành, sắc đất ở đấy đều tía, mà cửa ải nhà Hán cũng thế. Lại có người bảo rằng cỏ ở cửa ải Nhạn-môn đều sắc tía, cho nên gọi là tử-tái.

(90) Linh *thú* đời xưa cứ về tháng chín thì cắt đi, đến tháng chín năm sau đổi về. Tháng chín là mùa cúc. Hoa cúc có sắc vàng, cho nên gọi là hoàng-hoa thú.

Thử tình lại diễn khơi ngày ấy,

Tiễn sen này đã nấy là ba.

Xót người lần lữa ải xa,

Xót người nương chốn hoàng-hoa dặm dài.

紫塞人誰無堂上親
黃花戍誰無閨中婦
有親安可暫相離
有婦安能久相負
君有老親冀如霜
君有嬰兒年几孺

DỊCH ÂM

Tử-tái nhân (91) thùy vô đường thượng thân (92), hoàng-hoa thú (93) thùy vô khuê trung phụ. Hữu thân an khả tạm tương ly, hữu phụ an năng cửu tương phụ. Quân hữu lão thân mấn như sương, quân hữu anh-nhi niên thả nhụ.

DỊCH NGHĨA

Người tử-tái ai không cha mẹ ở trên nhà, lính hoàng-hoa ai không người vợ ở trong buồng. Có cha mẹ sao nên lạm một lúc nào càng ly biệt, có vợ không thề cùng phụ nhau lâu ngày như thế. Chàng có cha mẹ già tóc bạc như sương, chàng có đứa con thơ tuổi hãy còn nhỏ.

CHÚ THÍCH

(91) Xem lời chú-thích ở số 89.

(92) *Thân* là trỏ cha mẹ. Truyện Kiều có câu rằng : « Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về ».

(93) Xem lời chú-thích ở số (90).

Tình gia-thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân, khuê phụ nhớ thương.
Mẹ già phơ-phất mái sương,
Con thơ măng sữa vả đương phù-chi.

老 親 兮 倚 門
嬰 兒 兮 待 哺
供 親 食 兮 妾 爲 男
課 兒 書 兮 妾 爲 父

DỊCH ÂM

Lão thân hề ỷ môn (94), anh nhi hề đãi bộ. Cung thân thực hề thiếp vi nam, khóa nhi thư hề thiếp vi phụ.

DỊCH NGHĨA

Cha mẹ già thì đang tựa cửa để mong chàng, con thơ thì đang đợi người mớm cơm. Mời cha mẹ xơi cơm thì thiếp làm con trai, dạy con đọc sách thì thiếp làm thân-phụ.

CHÚ THÍCH

(94) *Ỷ-môn* là tựa cửa. Vương-tôn Giả thờ vua nước Tề Khi nước có nạn vua phải chạy trốn. Vương-tôn-Giả về nhà, bà mẹ mắng rằng: « Mọi ngày con đi chậm về thì ta *tựa cửa* mà mong con. Nay con thờ vua, vua có nạn phải chạy trốn, con không biết vua đi đâu cả, thế thì con còn về làm chi nữa ! »

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,

Miệng hài-nhi chờ bữa mớm cơm.

Ngọt bùi thiếp đã hiếu-nam,

Dạy con đèn sách thiếp làm phụ-thân.

供 親 課 子 此 一 身
傷 妾 思 君 今 幾 度
思 君 昔 年 今 已 過
思 君 今 年 今 又 暮

DỊCH ÂM

Cung thân khóa tử thử nhàt thân, thương thiếp (95) tư quân kim kỷ độ. Tư quân tích niên bề dĩ qua, tư quân kim niên hề bựu mộ.

DỊCH NGHĨA

Phụng-dưỡng cha mẹ và dạy bảo con cái chỉ có một thân thiếp, thương thiếp nhớ chàng nay đã mấy phen. Năm xưa nhớ chàng năm đã qua, năm nay nhớ chàng thì năm lại gần hết.

CHÚ THÍCH

(95) Chữ 傷 có hai nghĩa : một nghĩa là tổn-hại và một nghĩa là lo-nghĩ. Chữ thương ở đây nghĩa là lo nghĩ thương-xót vậy.

Nay một thân nuôi già dạy trẻ,

Nỗi quan hoài mang mễ biết bao.

Nhớ chàng trải mấy sương sao,

Xuân từng đổi mới, đông nào có dư.

君 淹 留 二 年 三 年 更 四 年
妾 情 懷 百 縷 千 縷 還 萬 縷
安 得 在 君 邊
訴 妾 衷 腸 苦

DỊCH ÂM

Quân yêm-lưu (96) nhị niên tam niên cánh tứ niên, thiếp tình hoài bách lũ thiên lũ hoàn vạn lũ. An đắc tại quân biên, tố thiếp trung trường khổ ?

DỊCH NGHĨA

Chàng ở lâu hai năm ba năm lại bốn năm, nỗi tình hoài của thiếp trăm mối nghìn mối và vạn mối. Ước gì được ở bên cạnh chàng, để mà giãi-bày cái ruột gan đau-đớn của thiếp.

CHÚ THÍCH

(96) *Yêm-lưu* là ở lâu. Tả-truyện có câu rằng : « Ngô-tử yêm cửu ư tệ ấp 吾子淹久於敝邑 » nghĩa là nhà thầy ở lâu tại đất tôi.

Kể năm đã ba tư cách diễn,
Mối sầu thêm nghìn vạn ngổn-ngang.
Ước gì gần gũi tấc gang,
Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

妾有漢宮妓
曾是嫁時將送來
憑誰寄君子
表妾相思懷

妾 有 秦 樓 鏡
曾 與 郎 初 相 對 影
憑 誰 寄 君 子
照 妾 今 孤 另

DỊCH ÂM

Thiếp hữu Hán-cung thoa (97) tằng thị giá thời tương-tống lai ; bằng thùy ký quân-tử, biểu thiếp tương-tư hoài. Thiếp hữu Tần-lâu kính (98), tằng dữ lang sơ tương đối ảnh ; bằng thùy ký quân tử, chiếu thiếp kim cô-lánh (99).

DỊCH NGHĨA

Thiếp có cành thoa ở cung Hán, nguyên là của hồi-môn trong khi lấy chàng ; biết nhờ ai gửi cho chàng, để tỏ cái lòng tương-tư của thiếp. Thiếp có bức gương ở lầu Tần, thuở xưa đã từng cùng chàng cùng soi bóng ; biết nhờ ai gửi cho chàng, để tỏ cái nỗi cô-lánh của thiếp ngay nay.

CHÚ THÍCH

(97) *Thoa* tức là cành trâm cài đầu của đàn-bà. Tào-Thực có câu thơ rằng : « Đầu thượng kim-tước thoa 頭上金爵釵 » nghĩa là cành kim-tước thoa cài ở trên đầu.

(98) Vua Thủy-hoàng nhà Tần có cái «chiếu đởm kính 照膽鏡» nghĩa là cái gương để soi mật. Hễ con gái, người nào có tà-tâm mà soi vào thì trông thấy cái mật trương lên và quả tâm động.

(99) *Cô-lánh* cũng như cô-đan, nghĩa là thui-thủi có một mình với bóng mà thôi.

Thoa cung Hán thuở ngày xuất giá,
Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cay ai mà gửi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương-tư.

妾 有 鉤 指 銀
手 中 時 相 親
憑 誰 寄 君 子
微 物 寓 慇 懃
妾 有 搔 頭 玉
嬰 兒 年 所 弄
憑 誰 寄 君 子
他 鄉 幸 珍 重 -

DỊCH ÂM

Thiếp hữu câu chỉ ngân (100) thủ trung thời tương thân ; bằng thùy ký quân-tử, vi-vật ngụ ân-cần. Thiếp hữu tao đầu ngọc (101), anh-nhi niên sở lộng ; bằng thùy ký quân-tử, tha-hương hạnh trân-trọng.

DỊCH NGHĨA

Thiếp có cái nhẫn đeo tay bằng bạc, lúc nào cũng đeo liền ở trong tay ; biết nhờ ai gửi cho chàng, để dùng một vật nhỏ-mọn này mà ngụ cái ý ân-cần. Thiếp có cái trâm bằng ngọc để gài đầu, từ thuở còn nhỏ vẫn cầm chơi ; biết nhờ ai gửi cho chàng, trong khi ở quê người, xin chàng hãy qui báu.

CHÚ THÍCH

(100) *Câu chỉ* là vòng quanh ngón tay, tức là cái nhẫn ; *ngân* là bạc.

(101) Vua Vũ-đế nhà Hán gặp Lý phu-nhân, dùng cái trâm ngọc để cài đầu, về sau cung-nhân bắt-chước, đều cài đầu bằng trâm ngọc. Lưu-vũ-Tích có câu thơ rằng : « Thanh-đình phi thượng ngọc tao đầu 蜻蜓飛上玉搔頭 » nghĩa là con chuồn-chuồn bay đậu ở cái trâm cài đầu bằng ngọc.

Nhẫn đeo tay gọi khi ngẫm-nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân-trọng dấu người tương thân.

昔年音信有來時
今年音稀信亦稀
見雁枉然思塞鴈
聞霜漫自製綿衣

DỊCH ÂM

Tích niên âm tín (102) hữu lai thời, kim niên âm bí tín diệc bi. Kiến nhạn ngưỡng nhiên tư tái bạch (103), văn sương mạn tự chế miên y (104).

DỊCH NGHĨA

Năm xưa âm tín còn có lúc gửi về, năm nay âm thưa tín cũng thưa. Thấy chim nhạn luống những mong được thư ở của ải, nghe giọt sương vội vàng đi chế áo bông để định gởi cho chàng.

CHÚ THÍCH

(102) *Âm* là tin-tức, *tín* là thư-từ.

(103) *Bạch* là lụa, nghĩa là dùng giải lụa buộc vào chân nhạn mà gởi về. Ông Tô-Vũ nhà Hán sang sứ nước Hung-nô, chúa Hung-nô đày ra Bắc-hải. Vua Hán sai sứ sang tìm Tô-Vũ, nói là thiên-tử nhà Hán đi bắn ở trong vườn thượng-lâm, bắt được con chim nhạn có cái dải lụa buộc thư vào chân. Trong thư nói chỗ Tô-Vũ ở.

(104) *Miên-y* là áo bông. Trương-khuê ở ngoài biên-thùy hàng mười năm chưa được về, vợ là Hầu-thị làm bài văn dâng vua, trong có câu rằng : « Khuê-ly dĩ thị thập niên cường, đối kính na kham kính lý trang. Văn nhạn kỷ hồi tu xích tố, kiến sương tiễn-tự chế y-thường, 睽離已是十年強, 對鏡那堪鏡裡粧, 聞雁幾回修尺素, 見霜先自製衣裳 » nghĩa là

vợ chồng xa-cách nhau kể đã già mười năm, soi gương mà buồn trông cái dung-trang ở trong gương. Mấy lần nghe nhạn vội đi viết thư, thấy sương trước đã tự chế áo-xiêm để muốn gọi cho chồng. Thiên-tử xem văn thương tình mà cho chồng về.

Trải mấy xuân tin đi tin lại,

Tới xuân này tin hãy vắng không.

Thấy nhàn luống tưởng thư phong

Nghe hơi sương sắm áo bông sẵn sàng.

西 風 欲 寄 無 鴻 便
天 外 憐 伊 雪 雨 乖
雪 寒 伊 兮 虎 帳
雨 冷 伊 兮 狼 幛
寒 冷 般 般 苦
天 外 可 憐 伊

DỊCH ÂM

Tây-phong (105) dục ký vô hồng tiện (106), thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy. Tuyết hàn y hề hổ trướng (107), vũ lãnh y hề lang vi (108). Hàn lãnh ban-ban khổ, thiên ngoại khả liên y.

DỊCH NGHĨA

Thấy gió tây muốn gởi thư mà không tiện chim hồng, thương chàng ở cõi ngoài bị tuyết phủ và mưa sa. Tuyết làm lạnh chàng ở nơi trường hồ, mưa làm rét chàng ở chỗ màn lang. Lạnh rét biết bao nỗi khổ, chàng ở cõi ngoài thật là đáng thương.

CHÚ THÍCH

(105) *Tây-phong* là gió tây, tức là gió mùa thu.

(106) *Hồng tiện* nghĩa là tiện dịp gởi thư. Đời xưa gởi thư hay buộc thư vào chân chim hồng.

(107-108) *Trường hồ màn lang* nghĩa là trỏ những nơi quân đóng ở cõi ngoài.

Gió tây nỗi không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trường tuyết xông pha.
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.

錦 字 題 詩 封 更 展
金 錢 問 卜 信 還 疑
凝 度 黃 昏 時
重 軒 人 獨 立
凝 回 明 月 夜
單 枕 鬢 斜 欹

DỊCH ÂM

Cẩm tự đề thi (109) phong cánh triển, kim tiền vấn bốc (110) tín hoàn nghi. Kỷ độ hoàng-hôn thời, trùng hiên nhân độc lập ; kỷ hồi minh nguyệt dạ, đan trầm mẫn tà khi.

DỊCH NGHĨA

Chữ gấm đề thơ phong rồi lại mở, tiền vàng hỏi bói tin mà vẫn ngờ. Nao mấy độ trong lúc Hoàng-hôn, hai lần hiên chỉ đứng có một mình ; nào mấy hồi trong đêm sáng trăng, cái gối chiếc mái tóc bù rối.

CHÚ THÍCH

(109) Đậu-Thao đời Tấn phải đi lính ở Lưu-sa, Vợ là Tô-Thị làm bài hồi-văn dệt vào gấm, để dâng thiên-tử mà xin cho chồng về.

(110) *Kim tiền* là tiền vàng hoặc tiền đồng. Đời xưa bói bằng mai rùa và cỏ thi, đến Kinh-Phòng đời Hán mới dùng tiền mà thay vào. Cổ-thi có câu rằng : « Kim tiền vấn bốc tu văn ngữ, cẩm tự ngưng sầu mạc chức thành 金錢問卜羞聞語，錦字凝愁莫織成 » nghĩa là tiền vàng hỏi bói luận nghe nói, chữ gấm kết sầu chớ dệt nên.

Đề chữ gấm phong thôi lại mở,

Gieo bói tiền tin dở còn ngờ.

Trời hôm tựa bóng ngẩn ngơ,

Trăng khuya nương gối bơ-phờ tóc mai.

不 關 沈 與 醒
惛 惛 人 似 醉
不 關 愁 與 悄
悃 悃 意 如 癡
髻 斜 委 髻 逢 無 奈
裙 褪 柔 腰 瘦 不 支

DỊCH ÂM

Bất quan trầm dữ tỉnh, hôn-hôn (111) nhân tự túy ; bất quan ngu dữ nọa, võng-võng (112) ý như si. Trâm tà ủy khảo bồng vô nại, quần thoái như yêu xấu bất chi.

DỊCH NGHĨA

Chẳng cứ mê cùng tỉnh, ly bì người như say, chẳng cứ ngu cùng lười, mờ-mịt ý như ngây. Nào khi trâm lệch bỏi tóc xổ, đầu bù như cỏ bồng cũng chẳng nghĩ chi ; nào khi cởi áo hở cái lưng mềm-mại ra thì thấy người gầy như que củi, tưởng chừng không đứng nổi.

(111) *Hôn-hôu* là ý ly-bi, say-sưa không biết gì, Đường-thi có câu rằng « Tích xuân liên nhật túy hôn-hôn, tỉnh hậu y-thường kiến tửu ngân 惜春連日醉惛惛, 醒後衣裳見酒痕 » nghĩa là tiếc xuân suốt ngày say ly-bi, sau tỉnh áo xiêm thấy ngấn rượu.

(112) *Võng võng* là ý mờ mịt, cũng giống như nghĩa chữ hôn hôn ở số 111.

Hà như ai hồn say bóng lẫn,

Bỗng thơ-thơ, thẩn-thẩn như không.

Trâm cài xiêm dắt thẹn-thùng.

Lệch vừng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.

	春	沈	沈	午	院	行	如	陰
	夕	陰	陰	湘	簾	捲	又	垂
簾	外	窺	日	出	枝	頭	無	鵲	報
簾	中	坐	夜	來	心	事	只	燈	知
		燈	知	若	無	知		
		妾	悲	只	自	悲		
	悲	又	悲	分	更	無	言	
	燈	花	人	影	總	堪	憐	

DỊCH ÂM

Trú trầm-trầm, ngọ-viện (113) bánh như trụy ; tịch âm-âm, Tương-liêm (114 quyển hựu thùy. Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi đầu vô thước báo (115) ; liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đăng tri (116). Đăng tri nhược vô tri, thiếp bi chỉ tự bi ; bi hựu bi kẻ chính vô ngôn, đăng hoa nhân ảnh đồng kham liên.

DỊCH NGHĨA

Ban ngày vắng-vẻ thì chỗ hiên trưa kia dạo bước nặng deo ; ban tối âm-thầm thì cái rèm Tương kia cuốn rồi lại dủ. Khi ngắm ngoài rèm thì mặt trời mọc đầu cành không thấy chim thước báo tin ; khi ngồi trong rèm thì tối đến tấm sự mình chỉ có ngọn đèn biết. Đèn có biết cũng hình như không biết, lòng thiếp thương chỉ tự thương một mình. Than thở chán lại lặng-yên không nói, hoa đèn và bóng người nghĩ mà đáng thương.

CHÚ THÍCH

(113) *Ngọ* là buổi trưa, *viện* là cái hiên ; *ngọ-viện* là cái hiên đang lúc trưa.

(114) Dùng tre trúc ở sông Tương làm rèm thì gọi là *Tương-liêm*.

(115) *Thước* là một giống chim hay báo tin mừng. Cổ-nhân vịnh chim thước có câu rằng : « Hương-khuê báo hỉ thước hàng giai 香閨報喜鵲降階 » nghĩa là báo tin mừng cho chốn buồng hương kia có đàn chim thước đẹp.

(116) Cổ-thi có câu rằng : « Thời văn tải nhạn thanh tương hoán, sa song chỉ hữu đăng tương bạn 時聞來雁聲相喚紗窗只有燈相伴 » nghĩa là thường nghe tiếng chim nhạn ở cửa ải cùng gọi nhau, chỗ song the chỉ có làm bạn với cây đèn.

Dạo hiên vắng thẩm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa, dủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm nhường đã có đèn biết chăng.
Đèn có biết nhường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

	咿	喔	鷄	聲	遍	五	夜	
	披	拂	槐	陰	度	八	磚	
	愁	似	海	刻	如	年		
強	燃	香,	花	魂	欲	消	檀	炷 下
強	臨	鏡,	玉	筋	空	墜	菱	花 前
強	援	琴,	指	下	鶯	彈	鸞	鳳 柱
強	裁	箋,	曲	中	鴛	鴦	鴛	鴦 紙

DỊCH ÂM

Y-ốc kê thanh thông ngũ dạ (117), phi-phật hòe âm độ bát chuyên (118) ; sầu tự hải, khắc như niên (119) Cưỡng nhiên hương, hoa hồn dục tiêu đàn trụ hạ (120). Cưỡng lâm kính, ngọc trợ không trụy lăng hoa tiền (121) ; cưỡng viên cầm, chỉ hạ kinh đình loan-phượng (122) trụ ; cưỡng cổ sắt, khúc trung sầu yết uyên-ương (123) huyền.

DỊCH NGHĨA

Eo-óc tiếng gà suốt năm canh, phất-phơ bóng hòe qua tám hàng gạch. Mối sầu to như bể, thời khắc dài như năm Gượng dốt hương thì hồn hoa muốn tiêu ở dưới nén hương đàn-trụ ; gượng soi gương thì giọt ngọc luống rơi ở trước bức gương lăng-hoa : gượng nắn đàn cầm thì dưới ngón tay vì sợ mà phải dừng cai trụ loan-phượng ; gượng gẩy đàn sắt thì trong khúc đàn vì sầu mà phải im cái dây uyên-ương.

CHÚ THÍCH

(117) Đời xưa có chức Hoàng-môn giữ về *ngũ dạ* là : Giáp-dạ, ất-dạ, bính-dạ, đinh dạ và mậu-dạ cùng thay đổi nhau, tức là năm canh.

(118) Hàn-lâm-chí chép rằng : Trước tòa Hàn-lâm có đường gạch hoa. Về mùa đông, bóng nắng mặt trời tới hàng gạch thứ 5 thì

tức là cái giờ các quan phải vào túc-trực. Lý-Trình tính lười, thường hay vào muộn, bao giờ bóng nắng cũng qua hàng gạch thứ 8. Chúng gọi là « Bát chuyên học-sĩ 八磚學士 ».

(119) Tần-thiếu-Du có câu thơ rằng : « Lạc giang vạn điểm sầu như hải 落江萬點愁如海 » nghĩa là rơi xuống sông muôn điểm sầu như bể lớn. Vương-Duy cũng có câu thơ rằng: « Trầm thường chẩn tri dạ tự niên 枕上眞知夜似年 » nghĩa là trên gối nằm không ngủ được, mới thật biết đêm dài như năm trường.

(120) *Đàn-trụ* nghĩa là nén hương thắp làm bằng thứ đàn-hương tán nhỏ ra.

(121) *Ngọc trợ* là đũa ngọc. Bà Nhân-bậu nước Ngụy, mặt trắng, hai hàng nước mắt chảy xuống như đôi đũa ngọc. Lưu hiếu-Thành có câu thơ rằng : « Thùy liên song ngọc trợ, lưu diện phục lưu khâm 誰憐雙玉箸, 流面復流襟 » nghĩa là ai thương đôi đũa ngọc, xuống mặt lại xuống áo. Triệu-phi-Yến ngoại-truyện có chép rằng : Nàng Tiệp-Thư dâng vua một bức gương lăng-hoa cao 7 thước.

(122) Hậu Hán-thư có câu rằng : « Cai cức phi loan-phượng sở thê 枳棘非鸞鳳所棲 » nghĩa là chỗ gai-gốc không phải là chỗ chim

loan chim phượng đậu. Ông Lý-Bạch cũng có câu thơ rằng : « Hạo-hạo loan-phượng tư 皎皎鸞鳳姿 » nghĩa là rực-rỡ cái dáng-vẻ như chim loan chim phượng.

(123) *Uyên-ương* là tên giống chim. Con trống gọi là *uyên* mà con mái gọi là *ương* Hai con trống mái thường đi đôi với nhau. Người ta hay ví với cảnh « vợ chồng hòa-mục ».

Gà eo-óc gáy sương năm trống,
Hóc phất-phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc trời đằng-đẵng bấy niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.
Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gẩy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phiếm loan ngại trùng.

此 意 春 風 若 肯 傳
千 金 借 刀 寄 燕 然
燕 然 未 易 傳
憶 君 迢 迢 兮 路 如 天
天 遠 未 易 通
憶 君 悠 悠 兮 思 何 窮

愁 人 處 傷 心 胸
樹 葉 背 霜 裡
蛩 聲 細 雨 中

DỊCH ÂM

Thử ý xuân phong nhược khẳng truyền (124), thiên kim tả lực (125) ký Yên nhiên (126). Yên-nhiên vị dị truyền, ức quân thiều-thiều hề lộ như thiên ; thiên viễn vị dị thông, ức quân du-du hề tử hà cùng, Sầu nhân xứ, thương tâm-hung. Thụ diệp thanh sương lý, cùng thanh tế vũ trung.

DỊCH NGHĨA

Ý ấy nếu gió xuân chịu truyền cho thì dầu nghìn vàng cũng xin nhờ sức để gửi đến núi Yên nhiên Núi Yên-nhiên chưa dễ truyền, nhớ chàng dằng dặc đường xa như lên trời ; trời xa chưa dễ thông, nhớ chàng đau đáu lòng nghĩ biết bao cùng. Người buồn đối cảnh vẫn đau lòng, lá cây trong khi sương xuống, tiếng run trong lúc mưa phùn.

CHÚ THÍCH

(124) Ông Phạm-văn-Chinh có câu thơ rằng : « Niên niên thường hữu ly-biệt hận, vị thác xuân phong phi-phật lai 年年常有離別恨, 爲托春風披拂來 » nghĩa là năm nào cũng thường có cái giận phải ly-biệt, chỉ nhờ gió xuân phất-phơ mà đưa đến.

(125) Trần hoàng-hậu đời Hán vì trái ý vua, phải ra ở cung Trường-môn, mới đem nghìn vàng tặng cho Tương-Như nhờ làm bài phú Trường-môn để dâng vua, vua cảm thương mà triệu về.

(126) Núi Yên-nhiên ở về địa-phận ngoại Mông-cổ. Đậu-Hiến đời Hậu-Hán đuổi giặc Bắc-thiền.vu đến núi Yên-nhiên, liền khắc đá ghi công ở đấy rồi về.

Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng vin gửi đến non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời.
Trời thăm-thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cành cây sương dượm,tiếng trùng mưa phun.

霜 葬 殘 兮 楊 柳
雨 蝙 損 兮 梧 桐
鳥 返 高 巢，露 下 低 叢
寒 垣 候 虫，遠 寺 曉 鐘

DỊCH ÂM

Sương phủ tàn hề dương-liễu, vũ cứ tồn hề ngô-đồng. Điểu phản cao-thung (127), lộ bạ đề tùng ; hàn viên bậu-trùng (128), viễn tự hiền chung.

DỊCH NGHĨA

Sương như bủa bổ, tàn gốc dương-liễu, mưa như cưa cửa, hại cây ngô đồng. Chim về trong buổi chiều hôm, sương phủ những chỗ bụi thấp. Giống sâu báo tiết hận ở nơi tường lạnh, chùa xa đánh hồi chuông về buổi sớm.

CHÚ THÍCH

(127) *Cao thung* tức là buổi chiều hôm, vào lúc người ta hay giã gạo. Hoài-nam-tử có câu rằng. « Nhật xuất Ngu-uyên viết cao-thung 日出崦淵曰高舂 » nghĩa là mặt trời tới đất Ngu-uyên gọi là cao-thung.

(128) *Hậu-trùng* nghĩa là giống sâu theo thời-tiết mà xuất-hiện Liễu-tôn-Nguyên có câu thơ rằng : « Môn yểm bậu-trùng thu 門掩候虫秋 » nghĩa là cửa đóng trong mùa thu có run kêu.

Sương như búa bổ mòn gốc liễu,

Tuyết nhường cưa, sẻ héo cành ngô.

Giọt sương phủ bụi chim gù,

Sầu tướng kêu vắng, chuông chùa nện khơi

蟋 蜂 數 聲 月

芭 蕉 一 院 風

風 裂 紙 窗 穿 牧 隙

月 移 花 影 上 簾 櫳

DỊCH ÂM

Tất-suất xỗ thanh nguyệt, ba-tiêu nhất viện phong. Phong liệt chỉ song xuyên trướng khích, nguyệt di hoa ảnh thượng liêm-lung (129).

DỊCH NGHĨA

Mấy tiếng sâu tất-xuất trong khi đêm trăng, một trận gió ba-tiêu trong lúc nhà vắng. Gió xé cái cửa sổ bịt giấy mà xuyên vào kẻ màn ; trăng đưa bóng hoa lên trên cánh rèm.

CHÚ THÍCH

(129) Cổ-thi có câu rằng : « Thu nguyệt chiếu liêm lung 秋 月 照 簾 櫳 » nghĩa là trăng thu soi cánh rèm.

Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc.

Một hàng liễu, gió thốc ngoài hiên,

Lá màn lay ngọn gió xuyên,

Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

花 前 月 照 月 自 白
月 下 花 開 花 自 紅
月 花 花 月 今 影 重 重
花 前 月 下 今 心 忡 忡

DỊCH ÂM

Hoa tiền nguyệt chiếu nguyệt tự bạch, nguyệt hạ hoa khai hoa tự hồng. Nguyệt hoa hoa nguyệt bề ảnh trùng-trùng (130), hoa tiền nguyệt hạ bề tâm sung-sung (131).

DỊCH NGHĨA

Trước hoa trăng chiếu thì bóng trăng tự thấy trắng ; dưới trăng hoa nở thì sắc hoa tự thấy đỏ. Hoa nọ trăng kia bóng trập-trùng, trước hoa dưới trăng lòng dau-đáu.

CHÚ THÍCH

(130) Cổ-thi có câu rằng : « Nguyệt cao hoa ảnh trùng 月高花影重 » nghĩa là trăng cao thì bóng hoa thấy trập-trùng.

(131) Kinh Thi có câu rằng : « Vị kiến quân-tử, ưu tâm sung-sung 未見君子, 憂心忡忡» nghĩa là chưa thấy người quân-tử, lòng ta lo đau-đáu.

Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng-trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

千般懶萬事慵
慵女工，錦軸恥拋鴛對偶
慵婦巧，金針羞刺蝶雌雄
懶粧愁臉空拖粉
懶語終朝悶倚窗
倚窗倚窗復倚窗
郎君去兮誰爲容

DỊCH ÂM

Thiên ban lãn, vạn sự dung : Dung nữ-công (132), cầm-trục sỉ phao oanh đối ngẫu (133) ; dung phụ-xảo (134), kim trâm tu thích điệp thư hùng (135) ; dung trang sầu kiểm không tha phấn ; dung ngữ chung chiên muộn ỷ song. Ỷ song, ỷ song phục ỷ song, lang-quân khứ hề thùy vi dung (136).

DỊCH NGHĨA

Nghìn nỗi lười, muôn việc chán. Chán nữ-công trục gấm thẹn giao, không muốn dệt chim uyên-ương (tức là chim oanh) cùng nhau sánh đôi ; chán phụ-xảo, kim vàng thẹn cầm, không muốn thêu con bươm-bướm (tức là hồ-điệp) một đôi thư hùng ; chán sự trang điểm, mặt buồn rầu thiết gì đánh phấn, chán sự nói năng, suốt buổi sáng chỉ ngẩn-ngơ mà lựa cửa sổ. Tựa cửa, lựa cửa lại lựa cửa, chàng đã đi rồi, còn làm dáng với ai.

CHÚ THÍCH

(123) *Nữ-công* là các việc công-nghệ của phụ-nữ như thêu-thùa, nấu-nướng, vân vân.

(133) Cổ-thi có câu rằng : « Thong-dong viễn-phương lai, tặng ngã nhất đoan ý ; văn-thái song uyên-ương, tài vi hợp-hoan bị 從容遠方來, 贈我一端綺, 文彩雙鴛鴦裁爲合歡被» nghĩa là thong-dong từ phương xa đến, tặng cho ta một tấm gấm, có thêu đôi chim uyên-ương, ta đem làm cái mền đắp gọi là hợp-hoan bị.

(134) *Phụ xảo* nghĩa là sự khéo của đàn-bà, cũng tức như nữ-công.

(135) Cổ-thi có câu rằng : « Vương-Tôn thâm chúc ý, hồ điệp vũ y-thường 王孫深屬意, 蝴蝶舞衣裳 » nghĩa là chàng Vương-Tôn rất để ý, áo xiêm như bướm-bướm múa.

(136) Kinh Thi có câu rằng : « Tự bà chi Đông, thủ như phi-bồng ; khởi vô cao-mộc, thùy thích vi dung 自伯之東, 首如飛蓬, 豈無膏沐, 誰適爲容 » nghĩa là từ khi chàng đi sang phương đông, đầu thiếp rối như cỏ bồng bay, bà không có dầu bôi, nhưng còn làm dáng với ai nữa.

Đầu xiết kể trăm sầu nghìn nỗi,
Từ nữ-công phụ vỏ dễu nguôi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.
Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm tại chiều rối-rãi nương song
Nương song luống ngẩn-ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn, trang hồng với ai.

誰爲容兮心盤桓
郎君去兮隔重關

何 啻 天 帝 孫
冷 落 文 銀 瀋
何 啻 姮 娥 婦
淒 涼 坐 廣 寒

DỊCH ÂM

Thùy vi dung hề tâm bàn-hoàn (137), lang-quân khứ hề cách trùng quan. Hà thi Thiên-đế tôn (138), lãnh-lạc lập ngân-trử (139) ; Hà thi Hằng-nga phụ (140), thê-lương tọa Quảng-hàn (141)

DỊCH NGHĨA

Còn làm dáng cùng ai nữa, trong lòng luống những quanh co, chàng đã đi rồi xa cách mấy lần cửa ải. Khác nào như Thiên-đế tôn, ngậm ngùi đứng ở bên sông Ngân ; khác nào như Hằng-nga phụ, lạnh-lẽo ngồi trong cung Quảng-hàn (tức là cung trăng).

CHÚ THÍCH

(137) *Bàn-hoàn* là ý quanh-co khó nghĩ. Ban-Cố có câu rằng : « Trữ bàn-hoàn nhi thả sĩ 竚 盤 桓 而 且 俟 » nghĩa là đứng quanh-co mà luống mong-đợi.

(138) Phía đông Ngân-hà có sao *Chức-nữ*, tức là cháu Thiên-đế, rất chăm-chỉ về nữ-công. Thiên-đế thấy vậy, mới gả cho sao Khiên-ngưu ở phía tây Ngân-hà. Khi đã lấy chồng rồi, mới sinh ra lười-biếng, Thiên-đế lại bắt về ở phía đông Ngân-hà, mỗi năm chỉ cho được một lần gặp nhau, tức là mồng 7 tháng 7, ta thường gọi là ngày Ngâu vậy.

(139) *Ngân-trử* tức là sông Ngân-hà.

(140) Hậu-Nghệ xin được bà Tây-vương-mẫu thứ thuốc không chết, vợ Hậu-Nghệ lấy trộm, chạy lên Nguyệt-cung, tức là Hằng-nga.

(141) Vua Minh-hoàng nhà Đường lên chơi Nguyệt-cung, thấy ngoài cửa đề mấy chữ rằng: «Quảng-hàn thanh-hư chi phủ 廣寒清虛之府», vậy Quảng-hàn tức là cung trăng.

Biếng trang điểm lòng người sầu tủi,
Xót nỗi chàng ngoài cõi Giang-lăng.
Khác gì ả Chức, chị Hằng,
Bến Ngân sùi sụt cung trăng chốc mòng.

藉 愁 兮 爲 枕
黃 悶 兮 爲 醫
欲 將 酒 制 愁
愁 重 禍 無 力

欲 將 花 解 悶

悶 摩 花 無 顏

愁 悶 總 爲 愁 悶 誤

悶 愁 化 作 九 泉 灘

DỊCH ÂM

Tạ sầu hề vi trầm, chử muộn hề vi xôn. Dục tương tửu chế sầu, sầu trọng tửu vô lực : dục tương hoa giải muộn, muộn áp hoa vô phan. Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ, muộn sầu hoa tác cửu-toàn than (142).

DỊCH NGHĨA

Tựa sầu khi làm gối, nấu muộn khi làm cơm. Muốn đem rượu chế sầu, sầu nặng thì rượu thành ra kém sức mà không chế nổi ; muốn đem hoa giải muộn, muốn ép thì hoa thành ra kém tươi mà không giải nổi. Sầu muộn đều vì sầu muộn mà lầm, muộn sầu hóa làm cái thác có chín ngọn suối.

CHÚ THÍCH

(142) *Cửu toàn* là chín ngọn suối. Than là chỗ nước nông mà có nhiều đá nổi.

Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,

Muộn ôm đầy hãy thồi làm cơm.

Rượu cùng hoa rắp tả đàm,

Sầu làm rượu nhạt muộn làm hoa ôi.

試 瑯 笙 兮 不 成 響

抱 銀 箏 兮 不 忍 彈

思 遠 塞 兮 行 路 難

念 征 夫 兮 豈 憂 單

DỊCH ÂM

Thí quỳnh-sinh hề bất thành hưởng, bão ngân-tranh hề bất nhẫn đàn (143). Tư viễn tái hề hàng lộ nan (144), niệm chinh-phu hề nang-thác đan (145).

DỊCH NGHĨA

Thử cái ống quỳnh-sinh kia thì không thành tiếng, ôm cái đàn ngân-tranh kia thì không nỡ gẩy. Nghĩ chỗ cửa ải xa-xôi kia thì đường đi rất khó-khăn ; nhớ đến kẻ chinh-phu kia thì nào túi, nào ruột tượng, một mình mang lếch-thếch,

CHÚ THÍCH

(143) Cổ-thi có câu rằng : « Sầu lai dục tấu tương tư khúc, bão đắc ngân tranh bất nhẫn đàn 愁來欲奏相思曲,抱得銀箏不忍彈.

nghĩa là khi sầu đến muốn gẩy một khúc tương-tư, nhưng ôm cái đàn ngân-tranh mà không nỡ gẩy.

(144) Ông Đỗ-Phủ có câu thơ rằng : « Quan-tái tiêu-điều hành lộ nan 關塞蕭條行路難 » nghĩa là chỗ cửa ải điu-hiu đường đi khó-khăn.

(145) Kinh Thi có câu rằng : « Nãi khỏa hầu lương, vu thác vu nang 迺裹餱糧, 于橐于囊 » nghĩa là dùng đem lương khô, nào ruột-tượng nào túi.

Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phiếm dời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa thêm mỗi chắp đầy lại vơi.

鵑聲啼落關情淚
樵鼓敲殘帶憔肝
不勝憔悴形骸軟
始覺睽離滋味酸

DỊCH ÂM

Quyên thanh đề lạc quan tình lệ, tiêu cổ (146) sao tàn đái-mại (147) can. Bất thăng tiều-tụy hình-hài nhuyễn, thủy giác khuê-ly (148) tư-v toan (149).

DỊCH NGHĨA

Nghe tiếng quyên kêu mà phải rơi giọt nước mắt quan-tình ; nghe tiếng trống canh đánh mà phải héo cái gan đang mỏi-mệt. Chịu sao xiết nỗi thăm sầu, cho nên hình hài phải bi-nhuyễn (nghĩa là mềm yếu), mới biết cái mùi khuê ly là chua-chát như thế.

CHÚ THÍCH

(146) Trống canh ở trại quân thì gọi là *tiêu-cổ*.

(147) *Đái-mại* là có ý mỏi-mệt.

(148) Chữ *khuê-ly* cũng như chữ biệt-ly.

(149) *Tư-vị* là mùi, *toan* là chua. Cổ-thi có câu rằng: « Đầu trượng xuất môn khứ, đồng hành vi tân-toan 投杖出門去，同行爲辛酸 » nghĩa là ném gậy ra cửa đi thì chỉ có sự chua-cay là cùng đi với mình.

Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt,
Trống tiều khua như giục buồng gan.
Võ vàng đổi khác dong-nhan,
Khuê ly mới biết tân toan nhường này.

滋 味 酸 兮 更 辛 酸
辛 酸 端 的 爲 良 人
爲 良 人 兮 雙 妾 淚
爲 良 人 兮 娶 妾 身

DỊCH ÂM

Tư-vị toan hề cánh tân-toan, tân-toan đoan-dích (150) vị lương-nhân. Vị lương-nhân hề song thiếp lệ, vị lương-nhân hề chích thiếp thân.

DỊCH NGHĨA

Tư-vị chua-cay mà lại càng chua-cay, chua-cay chính-thị vì chàng đó. Vì chàng mà thiếp chứa chan hai hàng lệ, vì chàng mà thiếp lãi-thải một thân mình.

CHÚ THÍCH

(150) *Đoan-dích* cũng như chữ chính-thị nghĩa là có ý quyết-định.

Nếm chua cay tấm lòng mới tỏ,
Chua cay này há có vì ai.
Vì chàng lệ thiếp rỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ-loi một bề.

妾 身 不 到 君 征 帳
妾 淚 不 到 君 征 巾
惟 有 夢 魂 無 不 到
夢 君 夜 夜 到 江 津

DỊCH ÂM

Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng thiếp lệ bất đáo quân chinh cân ; duy hữu mộng hồn vô bất đáo, tầm quân dạ dạ đáo giang-tân (151).

DỊCH NGHĨA

Thân thiếp không đến được chỗ chinh trướng (nghĩa là cái màn dùng trong khi đi đánh giặc) của chàng, nước mắt thiếp không đến được cái chinh cân (nghĩa là cái khăn dùng trong khi đi đánh giặc) của chàng : chỉ có mộng hồn chẳng chỗ nào không đến, đêm nào cũng tìm chàng đến chỗ bờ sông.

CHÚ THÍCH

(151) Cổ-thi có âu rằng : « Kỷ hồi minh-nguyệt dạ, phi mộng đáo lang biên 幾回明夜飛夢到郎邊 » nghĩa là mấy hồi đêm sáng trăng, mộng bay đến bên chàng.

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn.
Sớm còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thường tới giang-tân tìm người.

尋君[illegible]陽臺路
會君[illegible]湘水津
記得幾番獻會處
無非一枕夢中春

DỊCH ÂM

Tầm quân bế Dương-đài (152) lộ, hội quân bế Tương-thủy (153) tân. Kỷ dắc kỷ phiên hoan-hội xứ, vô phi nhất trầm mộng trung xuân (154).

DỊCH NGHĨA

Tìm chàng ở đường Dương-đài, gặp chàng ở bến Tương-thủy. Nhớ được mấy lần chỗ hoan-hội, chẳng qua một giấc xuân trong mộng

CHÚ THÍCH

(152) Vua Tương-vương nước Sở mộng gặp thần nữ ở Dương-đài. Thần nữ nói : « Thiếp đây là thần Vu-sơn, buổi sớm làm mây, buổi chiều làm mưa, sớm sớm chiều chiều ở dưới Dương đài.

(153) *Tương-thủy* tức là sông Tương. Truyện Kiều có câu rằng : « Sông Tương một g[illegible] nông trờ, kẻ trông đầu nọ người chờ cuối kia.»

(154) Cổ-thi có câu rằng : « Động-đình tạc dạ xuân phong khởi, giao ức mỹ-nhân Tương-giang thủy. Trầm thượng phiến thời xuân mộng trung, hành tận Giang-nam số thiên lý 洞庭昨夜春風起，遙憶美人湘江水，枕上片時春夢中，行盡江南數千里» nghĩa là Động-đình đêm trước có gió xuân nổi, nhớ đến người đẹp ở bến sông Tương. Trên gối trong giấc mộng xuân chỉ có nửa giờ, mà đi hết mấy nghìn dặm ở đất Giang-nam.

Tìm chàng thuở Dương-đài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương phố bến xưa.
Xum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng-xuân.

此身反恨不如夢
隴水流關與子親
夢去每憎歡更斷
夢回又惡幻非眞

DỊCH ÂM

Thử thân phản hận bất như mộng. Lũng-thủy Đồng-quan giữ tử thân. Mộng khứ mỗi tăng kinh cảnh đoạn, mộng hồi hựu ố huyễn (155) phi chân.

DỊCH NGHĨA

Thân này lại giận không bằng mộng, vì khi trong mộng thì thấy nào bến Lũng-thủy, nào cửa Đồng-quan được cùng chàng gần gụi. Mộng đi chỉ tiếc đặt mình lại dứt mất, mộng về lại ghét về sự hư-huyễn mà không thực.

CHÚ THÍCH

(155) *Huyễn* nghĩa là mơ-màng phảng-phất mà không thực. Chữ « *Huyễn* 幻 » nay ta thường đọc lầm là chữ ảo.

Giận thiếp thân lai không bằng mộng,

Thôi gắn chàng bến Lĩng thành Quan.

Khi mơ những tiếc khi tàn,

Tỉnh trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

惟 有 寸 心 眞 不 斷
未 嘗 頃 刻 少 離 君
心 不 離 君 未 見 君
凭 高 幾 度 望 征 輪

DỊCH ÂM

Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn, vị thường khoảnh-khắc thiểu ly quân. Tâm bất ly quân vị kiến quân, bằng cao kỷ độ vọng chinh-luân (156).

DỊCH NGHĨA

Chỉ có tấc lòng thực không đứt, chưa hề vụt-chốc nào lìa bên cạnh chàng. Lòng không lìa chàng chưa thấy chàng, đã mấy lần đứng lựa chỗ cao mà ngóng cái xe của chàng đi.

CHÚ THÍCH

(156) *Chinh* là đánh giặc, *luân* là bánh xe. *Chinh-luân* là cái xe dùng trong khi đi đánh giặc.

Vui có một tấm lòng chẳng dứt,

Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi.

Lòng theo nhưng chửa thấy người,

Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.

望君何所見
江邊滿白蘋
燕草披青縷
秦桑染綠雲
南來井邑半風塵
落日平沙唯一雁

DỊCH ÂM

Vọng quân hà sở kiến, giang biên mãn bạch tần (157). Yên thảo phi thanh lũ (158); Tần tang nhiễm lục vân (159). Nam lai tỉnh-ấp (160) bán phong-trần, lạc nhật bình sa nhạn nhất quần.

DỊCH NGHĨA

Trông chàng thấy những gì? Thấy bờ sông đầy những rau tần trắng. Cỏ Yên lướt gió trông như dây xanh, dâu Tần lẫn mùi trông như mây biếc. Tỉnh-ấp vùng nam đã một nửa bị phong-trần, khi mặt trời lặn trông bãi cát phẳng kia có một đàn chim nhạn.

CHÚ THÍCH

(157) Bài « *Giang-nam-khúc* » có câu rằng : « Hà châu thái bạch tần, nhật lạc Giang-nam mộ 河洲採白蘋, 日落江南暮 » nghĩa là đứng ở bãi sông hái rau tần trắng, khi mặt trời lặn thì đất Giang-nam tối.

(158-159) Ông Lý-Bạch có bài thơ « *Xuân-oán* » rằng: « Yên thảo như bích ty, Tần tang đê lục chi. Đương quân hoài qui nhật, thị thiếp đoạn-trường thì 燕草如碧絲, 秦桑低綠枝, 當君懷歸日, 是妾斷腸時 » nghĩa là cỏ Yên như tơ biếc, dâu Tần đủ cành xanh. Đang ngày chàng muốn về, là lúc thiếp đứt ruột.

(160) *Tỉnh* là giếng, *ấp* là làng *Tỉnh-ấp* là nói những nơi làng xóm.

Trông bên nam bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh.
Nhà-thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

望君何所見
驛路短長亭
雲間梟樹碧
天際蜀山青
北來禾黍半荒城
微雨江樓笛一聲

DỊCH ÂM

Vọng quân hà sở kiến, dịch-lộ (161) đoản trường đình. Vân gian ngô thụ bích, thiên tế Thục sơn thanh. Bắc lại hòa-thử bán hoang-thành (162), vi vũ giang lâu địch nhất thanh (163).

DỊCH NGHĨA

Trông chàng thấy những gì ? Thấy đường dịch lộ hết đoản-đình lại đến trường-đình. Khoảng mây cây Ngô biếc, phương trời núi Thục xanh. Vàng bắc lúa má một nửa là thành hoang, mưa phùn vẳng nghe trên lầu ở bên bờ sông có một tiếng sáo thổi.

CHÚ THÍCH

(161) *Dịch-lộ* tức là đường cái quan có từng cung trạm một, năm dặm có một đoản-đình, mười dặm có một trường-đình.

(162) Hứa-Hồn đời Đường trèo lên cái thành cổ có câu thơ rằng : « Hòa thử lê-ly bán giã cao 禾黍離離半野高 : nghĩa là lúa má đùn-đùn nửa cánh đồng cao ngất.

(163) Cổ-thi có câu rằng : Tàn tinh kỷ điểm nhạn hoành tái, trường địch nhất thanh nhân ỷ lâu 殘星幾點雁橫塞, 長笛一聲人倚樓 « nghĩa là sao tàn mấy điểm, chim bay ngang cửa ải ; một tiếng ống địch dài, có người đứng trên lầu.

Trông đường bắc đối chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thói-thóp bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu.

望 君 何 所 見
空 山 葉 做 堆
自 飛 雙 野 雉
自 舞 滿 江 梅
東 去 烽 烟 慘 不 開
金 風 颯 落 鳥 聲 哀

DỊCH ÂM

Vọng quân hà sở kiến, không sơn diệp tố đôi (164). Tự phi song giã trĩ (165), tự vũ mãn giang mai. Đông khứ phong-yên thảm bất khai, kim phong (166) phiêu-lạc điểu thanh ai.

DỊCH NGHĨA

Trông chàng thấy những gì ? Thấy núi không mà là cây thành đống. Tự bay có hai con giã-trĩ, tự múa có dãy mai đầy bên sông. Vùng đông khói lửa vẫn mờ-mịt không được rõ, gió thu hiu-hắt nghe có tiếng chim kêu thảm thương.

CHÚ THÍCH

(164) Bài « *Hàn-cung từ* » có câu rằng : « Hồng điệp cung tiền hữu kỳ đôi 紅 葉 宮 前 有 幾 堆 » nghĩa là lá đỏ ở trước cung có mấy đống.

(165) Một người làm nghề chăn nuôi ở nước Tề, tuổi đã già mà chưa có vợ, trông thấy đôi chim trĩ trống mái cứ đi theo nhau, mới gẩy đàn cầm bát bài «*Trĩ song phi*».

(166) *Kim-phong* tức là gió thu.

Non-đông thấy lá hầu chất đống,
Trĩ sập-sèo mai cũng bẻ-bai.
Khói mù nghi-ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.

望君何所見
河水曲如鉤
長空數點雁
遠浦一歸舟
西去松楸接斷疇
行人微沒已蒼洲

DỊCH ÂM

Vọng quân hà sở kiến, hà thủy khúc như câu. Trường không sổ điểm nhạn, viễn phố nhất qui châu. Tây khứ tùng thu tiếp đoạn vu (167), hành nhân vi-một cách thương-châu (168).

DỊCH NGHĨA

Trông chàng thấy những gì ? Thấy nước sông Hà cong như lưỡi câu. Ngang trời mấy điểm nhạn, bến xa một thuyền về. Vùng tây có cây tùng và cây thu tiếp liền với chỗ đám cỏ nát, hành-nhân (nghĩa là người đi đường) mờ-mịt cách cái bãi xanh xanh.

CHÚ THÍCH

(167) *Đoạn* là đứt, *vụ* là cỏ rậm. *Đoạn-vụ* nghĩa là chỗ đám cỏ rậm đã đứt nát.

(168) *Thương* là sắc xanh, *châu* là bãi. *Thương-châu* nghĩa là chỗ bãi cỏ xanh-xanh.

Lũng tây chảy nước nhường uốn khúc,
Nhạn liệng không sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chóc khóm lau,
Cách ghềnh thấp-thoáng người đâu đi về.

望盡天頭又地頭
幾日登樓又下樓
凍雲阻盡相思眼
何處玉關征戰愁

DỊCH ÂM

Vọng tận thiên đầu hựu địa đầu, kỷ nhật đăng lâu hựu hạ lâu. Đống vân trở tận tương-tư nhỡn, bà xứ Ngọc-quan (169) chinh-chiến xu.

DỊCH NGHĨA

Trông hết càng trời đến cuối đất, hàng ngày lên lầu lại xuống lầu. Mây kết che hết con mắt tương-tư, nào nơi chinh-chiến tại Ngọc-quan là chỗ nào?

CHÚ THÍCH

(169) Tướng Ban-Xiêu đời Hán có câu rằng : « Sinh nhập Ngọc-môn-quan 生入玉門關 » nghĩa là được sống mà vào qua cửa Ngọc-môn-quan.

Trông bốn bể chân trời mặt đất,
Lên xuống lầu thấm thoắt đòi phen.
Lớp mây ngừng mắt khôn nhìn,
Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc-quan.

恨無長房縮地術
恨無仙子擲巾符
有心誠化石
無淚可登樓

DỊCH ÂM

Hận vô Trường-Phòng súc địa thuật (170), hận vô Tiên-tử trịch cân phù (171). Hữu tâm thành hóa thạch (172) vô lệ khả đăng lâu (173).

DỊCH NGHĨA

Tiếc không cái thuật rút đất của ông Trường-Phòng, tiếc không cái bùa ném khăn của người Tiên-tử. Có tấm lòng nên hóa đá, không giọt lệ tuôn lên lầu.

(170) Phí-trường-Phòng học được cái thuật rút đất, bẻ dùng cái gậy cầm trỏ xuống đất thì nghìn dặm đường mà tàu lại ở trước mắt.

(171) Chàng Thới-sinh vào trong núi, lấy được người tiên-nữ làm vợ, học được cái bùa ẩn hình, lẻn vào trong cung để tình-nghịch, bị kẻ thuật-sĩ đuổi bắt gấp quá. Chàng chạy về núi, còn cách con sông, thuật sĩ đuổi đến sau lưng. Người tiên-nữ liền hóa phép ném cái khăn thành nhịp cầu ngũ-sắc, để cho chàng chạy qua.

(172) Tại núi Vũ xương có vọng-phu-thạch. Tương-truyền rằng người chồng đi đánh giặc, người vợ lên núi trông theo chồng, mà bỗng hóa ra người đá.

(173) Bài « *Đăng lâu phú* » có câu rằng: Đăng tư lâu nhi tứ vọng, liên độ nhất dĩ tiêu ưu 登斯樓而四望, 聊度日以消憂 » nghĩa là lên cái lầu kia mà ngắm trông bốn mặt hãy cho qua ngày tháng để đỡ sự lo phiền.

Gậy rút đất dễ khôn học chước,
Khăn gieo cầu nào được thấy Tiên.
Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lầu.

回首隄堤楊柳色
悔教夫壻覓封侯
不識離家千里外
君心有似妾心不

DỊCH ÂM

Hồi thủ trường đê dương-liễu sắc, hối dao phu-tế mịch phong hầu (174). Bất thức ly gia thiên-lý ngoại, quân tâm hữu tự thiếp tâm phầu.

DỊCH NGHĨA

Nghảnh đầu trông sắc cây dương-liễu ở chỗ bờ đê dài kia, hối việc bảo chồng đi cầu ấn phong-hầu (tức là đi đánh giặc để lập công). Chẳng biết lìa nhà đi ở ngoài nghìn dặm thì lòng chàng có giống như lòng thiếp không ?

CHÚ THÍCH

(174) Xem lời chú-thích ở số 42.

Lúc ngảnh lại ngắm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi rong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng?

君心倘與妾心似
妾亦於君何怨尤
妾心如花常向陽
只怕君心如流光

DỊCH ÂM

Quân tâm thẳng dữ thiếp tâm tự, thiếp diệc ư quân hà oán vưu (175). **Thiếp tâm như hoa thường hướng dương** (176), **chỉ phạ quân tâm như lưu-quang.**

DỊCH NGHĨA

Lòng chàng nếu cũng giống như lòng thiếp thì thiếp cũng chẳng còn oán-trách chàng điều gì nữa. Lòng thiếp như hoa thường hướng về mặt trời, chỉ sợ lòng chàng như bóng sáng chạy qua đi.

CHÚ THÍCH

(175) Sách Luận-ngữ có câu rằng : « Quân-tử bất oán thiên, bất vưu-nhân 君子不怨天不尤人 » nghĩa là người quân-tử không oán trời không trách người.

(176) *Dương* là mặt trời. *Hướng-dương* nghĩa là hướng trông về phía mặt trời. Tô-Lân có câu thơ rằng : « Cận thủy lâu-đài tiên đắc nguyệt, hướng dương hoa thảo dị vi xuân 近水樓臺先得月，向陽花草易爲春 » nghĩa là lâu-đài gần nước thì được thấy bóng trăng trước, hoa cỏ hướng trông về phía mặt trời thì dễ có vẻ xuân.

Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp nào dám nghĩ gần xa.
Hướng dương lòng thiếp như hoa,
Lòng chàng lẫn-thẫn e là bóng dương.

流光一去不復照
花爲流光黃又黃
黃花更向誰邊笑
流光不肯一回照
黃花却爲流光老
黃花老今落滿墻
花落如今更幾霜

DỊCH ÂM

Lưu-quang nhất khứ bất phục chiếu, hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng. Hoàng-hoa cánh hướng thùy biên tiếu, lưu quang bất khẳng nhất hồi chiếu ; hoàng hoa khước vị lưu-quang lão. Hoàng hoa lão hề lạc mãn tường, hoa lạc như kim cánh kỷ sương (177).

DỊCH NGHĨA

Bóng sáng chạy qua rồi không chiếu trở lại nữa, hoa vì bóng sáng mà phải vàng úa. Hoa vàng lại ngảnh cười bên ai, bóng sáng không chịu chiếu trở lại ; hoa vàng lại vì bóng sáng mà phải già. Hoa vàng già rồi rụng đầy tường, hoa rụng ngày nay trải mấy sương

CHÚ THÍCH

(177) *Kỷ sương* là mấy sương, nghĩa là trải qua mấy kỳ có sương.

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái
Hoa đề vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường
Trải xem hoa rụng đếm sương mấy lần.

庭 蘭 兮 已 摘
江 蘺 兮 又 芳
攝 衣 步 前 堂
仰 目 視 天 章

DỊCH ÂM

Đình lan hề dĩ trích, giang tần hề hựu phương. Nhiếp y bộ tiền-đường, ngưỡng mục quan thiên chương (178).

DỊCH NGHĨA

Cây lan trước sân kia đã hái, cây tần ngoài sông kia lại thơm. Vén áo bước ra cái nhà trước, ngẩng mắt xem về sông Ngân-hà ở bên trời.

CHÚ THÍCH

(178) Kinh Thi có câu rằng : « Trác bỉ Vân-hán, vi chương vu thiên 倬彼雲漢，爲章于天 » nghĩa là rực-rỡ sông Ngân-hà kia, làm văn-vẻ ở trên trời.

Chờ lan nọ trước sân đà hái,
Ngọn lần kia bến bãi đưa hương
Sửa xiêm dạo bước tiền-đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên chương thẫn-thờ.

河水潮明滅
奎躔乍現藏
纖雲時彷彿
北斗忽低昂

DỊCH ÂM

Hà thủy phiên minh diệt. Khuê triền (179) sạ hiện tàng ; tiêm vân (180) thời phảng-phất (181). Bắc đẩu hốt đê ngang (182).

DỊCH NGHĨA

Sông Ngân-hà lại có lúc tỏ lúc mờ, độ sao Khuê bỗng thấy khi hiện khi mất ; đám mây nhỏ thường-thường phảng-phất lờ-mờ, chuôi sao Bắc-đẩu bỗng thấy lúc dủ thấp lúc quay ngang.

(179) *Khuê* là tên sao, *triền* là vị thứ của ngôi sao.

(180) *Tiêm* là nhỏ, *vân* là mây. *Tiêm-vân* nghĩa là những đám mây nhỏ lấm tấm.

(181) *Phảng-phất* là ý lờ-mờ không rõ. Dương-Hùng có câu thơ rằng : « Phảng-phất kỳ nhược mông 彷彿其若夢 » nghĩa là lờ-mờ hình như trong giấc chiêm bao.

(182) Vương-nguyên-Cảnh thuở xưa một bữa uống rượu say quá. Dương-ngạn-Tuân hỏi rằng ; « Sao lại đê-ngang (nghĩa là la-đà ngất-ngưởng) quá như thế ? » Vương-nguyên-Cảnh đáp rằng : « Thử thục đầu đê, mạch thục đầu ngang. Thử mạch câu hữu, sớ-dĩ đê ngang 黍熟頭低，麥熟頭昂，黍麥俱有，所以低昂 » nghĩa là lúa thử chín thì đầu dủ thấp, lúa mạch chín thì đầu quay ngang. Có cả lúa thử và lúa mạch, cho nên mới la-đà ngất-ngưởng như thế này !

Bóng Ngân-hà khi mờ khi tỏ,

Độ Khuê-triền buổi có buổi không.

Thức mây đòi lúc nhạt nồng

Chuỗi sao Bắc-đẩu thôi đông lại đoài.

月照兮我床
風吹兮我牆
玉顏隨身劑
丈夫猶他方
昔爲形與影
今爲參與商

DỊCH ÂM

Nguyệt chiếu hề ngã sàng (183), phong suy hề ngã tường. Ngọc-nhan tùy thân tước (184), trượng-phu do tha phương. Tích vi hình dữ ảnh (185), kim vi Sâm dữ Thương (186).

DỊCH NGHĨA

Trăng soi cái giường của ta, gió thổi bức tường của ta. Mặt ngọc theo với người mà gầy kém, ông chồng vẫn còn ở phương xa. Xưa là hình với bóng, nay là sao Sâm với sao Thương.

CHÚ THÍCH

(183) Vua Văn-đế nước Ngụy có bài thơ « *Nhớ chinh phụ* » rằng : « Quân hà yên-lưu ký tha phương, sử thiếp quỳnh-quỳnh thủ không-phòng. Minh-nguyệt bạo-bạo chiếu ngã sàng, tinh-hán tây lưu dạ vị trường 君何淹留寄他方，使妾煢煢守空房，明月皓皓照我床，星漢西流夜未央 » nghĩa là sao chàng cứ yên-lưu ở phương xa, khiến thiếp vò-võ giữ phòng không. Trăng sáng rực-rỡ soi cái giường của ta, tinh-hán xế về phương tây mà đêm vẫn chưa hết.

(184) Cổ-thi có câu rằng : Yên Triệu đa giai-nhân, mỹ giả nhan như ngọc 燕趙多佳人, 美者顏如玉 » nghĩa là đất Yên, Triệu nhiều giai-nhân, người đẹp mặt như ngọc.

(185) Lưu-Dụ có câu thơ rằng : « Nguyện vi tinh dữ Hán, hình ảnh cộng bồi-hồi 願爲星與漢, 形影共徘徊 » nghĩa là xin làm sao với sông Ngân, hình bóng được cùng thân.

(186) Sao *Thương* ở phương đông, thuộc về mão-vị ; sao *Sâm* ở phương tây, thuộc về thân-vị. Một ngôi hiện ra thì một ngôi lại lặn đi, vĩnh-viễn không bao giờ trông thấy nhau. Ông Đỗ-Phủ có câu thơ rằng : « Nhân-sinh bất tương kiến, động vi Sâm dữ Thương 人生不相見, 動爲參與商 » nghĩa là đời người không cùng trông thấy nhau, thường như sao Sâm và sao Thương.

Một năm một nhạt mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng dời,
Bây giờ nỡ để cách với Sâm Thương.

君邊雲擁青驃騎
妾處苔生響屧廊
廊內春風日將歇
可憐誤盡良時節

DỊCH ÂM

Quân biên vân ủng Thanh phiêu kị, thiếp xứ đài sinh Hưởng-điệp-lang (187). Lang nội xuân phong nhật tương yết, khả liên ngộ tận lương thời-tiết.

DỊCH NGHĨA

Bên chàng mây phủ ngựa thanh phiêu, chỗ thiếp ở thì rêu mọc đầy cái hiên Hưởng-điệp. Gió xuân trong hiên ngày gần hết, đáng thương lỡ hết thời-tiết hay.

CHÚ THÍCH

(187) *Hưởng* là tiếng vang, *điệp* là giầy, *lang* là hiên. *Hưởng-điệp-lang* nghĩa là cái hiên đi giầy có tiếng vang. Vua Phù-Sai nước Ngô dùng thứ gỗ biển-tử lát xuống đất ở trong cung, để cho Tây-phi đi ở trên thành có tiếng vang, gọi là « *Hưởng-điệp lang* ». Di-tích hiện nay còn ở trong núi Linh-nham tại Giang-tô.

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ
Thiếp đạo hài lần cũ rêu in.

Gió xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì

良時節，姚黃魏紫嫁東風
良時節，織女牛郎會明月

DỊCH ÂM

Lương thời-tiết, Diêu-hoàng Ngụy tử (188) giá đông-phong ; lương thời-tiết, Chức-nữ Ngưu-lang (189) hội minh nguyệt.

DỊCH NGHĨA

Thời-tiết hay như hoa mẫu đơn kia, nhà họ Diêu vàng, nhà họ Ngụy tía, vẫn cùng đẹp duyên với gió đông (tức là gió xuân) : thời-tiết hay như sao Chức-nữ càng tao Ngưu-lang hội nhau trong khi đêm trăng sáng

CHÚ THÍCH

(188) Hoa mẫu-đơn thì người ta cho hai thứ Diêu-hoàng và Ngụy-tử là quý hơn cả. vì nhà Diêu-Sùng có thứ hoa mẫu-đơn vàng, mà nhà Ngụy-nhân-Phổ có thứ hoa mẫu-đơn tía.

(189) Xem lời chú-thích ở số 138.

Sầy nhớ khi cành Diêu đóa Ngụy
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau
Nọ thì ả Chức, chàng Ngâu,
Tới trăng thu lại bắc cầu sang sông.

可憐枉守一空房
年年誤盡良時節
良時節兮急如梭
人世青春客易過

DỊCH ÂM

Khả liên uổng thủ nhất không phong, niên niên ngộ tận đương thời-tiết. Lương thời-tiết bề cấp như thoa (190), nhân-thế thanh-xuân khách đi qua.

DỊCH NGHĨA

Đáng thương người uổng công giữ một cái phòng không, hàng năm lo hết thời-tiết hay. Thời-tiết hay kia đi gấp như chiếc thoi đưa, đời người ta cái tuổi xuân xanh thật dễ qua lắm.

CHÚ THÍCH

(190) Cổ-thi có câu rằng : « Hồng-nhan tam xuân thụ, lưu-quang nhất trịch thoa 紅顏三春樹, 流光一擲梭 » nghĩa là má hồng như cái cây trong mùa xuân, bóng sáng chạy qua vùn-vụt như người ném cái thoi dệt cửi.

Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lành lầm lỡ đời nay,
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thấm thoắt qua mầu xuân xanh.

況 復 是 春 思 未 消 秋 恨 續
況 復 是 合 歡 更 少 別 愁 多
別 愁 秋 恨 兩 相 摧
蒲 柳 青 青 能 幾 何

DỊCH ÂM

Huống phục thị xuân tư vị tiêu thu hận tục; huống phục thị hợp hoan cánh thiểu biệt sầu đa. Biệt sầu thu hận lưỡng tương ma, bồ liễu thanh thanh năng kỷ hà (191).

DỊCH NGHĨA

Huống lại là tứ xuân chưa tiêu, giận thu đã nối ; huống lại là sự vui xum-họp lại ít mà sự ly biệt thường nhiều. Sự sầu ly biệt và sự giận mùa thu, hại đàng cùng mài sát nhau : thế thì phận bồ liễu xanh xanh phỏng được bao lâu.

CHÚ THÍCH

(191) *Bồ-liễu* là cây thủy-dương, trong các loài cây thì thứ cây này hay vàng rụng trước nhất, ví như người đàn-bà yếu-ớt. Đời xưa Cố-Duyệt cùng tuổi với Giản-Văn mà đầu lại bạc trước. Giản-Văn hỏi : « Tại sao bác lại chóng bạc đầu như thế ? » Cốt-Duyệt đáp rằng : « Bồ-liễu chi tư, vọng thu nhi lạc, Tùng bách chi chất, kinh-sương độc mậu 蒲 柳 之

姿，望秋而落，松栢之質，經霜獨茂» nghĩa là cái sức bồ-liễu, gặp tiết thu mà phải rụng, cái chất tùng-bách, trải mùa sương mà vẫn tốt.

Xuân thu để giận quanh ở dạ,

Hợp ly đành buồn quá khi vui.

Oán sầu nhiều nỗi tơi bời,

Vóc bồ-liễu để ép nài chiều xuân.

空 嘆 惜，浪 齊 嗟

只 恐 白 到 文 君 頭 空 嘆 惜

只 恐 花 到 潘 郎 鬢 浪 齊 嗟

DỊCH ÂM

Không thán-tích, lãng tư-ta. Chỉ khủng bạch đáo Văn-quân (192 đầu không thán-tích ; chỉ khủng hoa đáo Phan-lang (193) mấn, lãng tư-ta.

DỊCH NGHĨA

Thương tiếc hão, than-thở hoài. Chỉ sợ đầu nàng Văn-quân đã đến khi bạc trắng, mà thành ra thương tiếc hão ; chỉ sợ tóc chàng Phan-lang đã đến khi hoa dâm, mà thành ra than-thở hoài.

CHÚ THÍCH

(192) *Văn-quân* là con gái Trác-vương-Tôn, người Lâm-cùng, đời Hán. Một bôm, Trác-vương-Tôn mời Tư-mã-tương-như đến uống

rượu. Hấy giờ nàng Văn-quân mới góa chồng. Tương-Như gẩy một khúc đàn để khiêu tình, đến đêm nàng Văn-quân đi theo Tương-Như.

(193) *Phan-lang* tức là chàng Phan-Nhạc, người Trung-mâu, đời Tấn. Tên tự là An-Nhân. Người đẹp trai, mỗi khi đi chơi, đàn-bà con gái thấy đẹp, hay lấy quả cây ném.

Kìa Văn quân mỹ-miều thuở trước,

E đến khi đầu bạc má thương.

Mặt hoa nọ gã Phan lang,

Sợ khi mái tóc điểm sương cũng ngừng.

嗟 惜 何 以 爲
顏 色 猶 嬌 如 嫩 花
咨 嗟 何 以 爲
光 陰 一 擲 無 回 過
容 命 薄, 惜 年 華
絲 絲 少 婦 幾 成 婆

DỊCH ÂM

Thán tích hà dĩ vi, nhan-sắc do kiều như nộn hoa (194) ; tư-ta hà dĩ vi, quang-âm nhất trịch vô hồi qua (195). Tư mệnh bạc, tích niên hoa ; phâu phàn thiếu-phụ cơ thành bà (196).

DỊCH NGHĨA

Thương-tiếc để làm gì, nhan-sắc còn tươi như hoa non ; than thở để làm gì, bóng sáng một qua không trở lại. Thương mệnh bạc, tiếc niên-hoa, mơn-mởn người vợ trẻ chẳng bao lâu đã thành mẹ chồng.

CHÚ THÍCH

(194) Cổ-thi có câu rằng : « Mỹ-nhân nhan-sắc kiều như hoa 美人一色嬌如花 » nghĩa là người đẹp nhan-sắc tươi như hoa.

(195) Xem lời chú-thích ở số 190.

(196) *Bà* nghĩa là người mẹ chồng.

Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,

Tiếc quang âm lần-lữa gieo qua,

Nghĩ mình bạc, tiếc niên hoa,

Gái tơ mấy chốc xầy ra na-dòng

春閨重懷陪笑臉
花樓何記解香羅
恨天不與人方便
底事到今成坎坷
坎坷坎坷奈若何
爲妾嗟兮爲君嗟

DỊCH ÂM

Xuân-các trùng hoài hồi tiếu-kiểm (197), hoa lâu thường ký giải hương la (198). Hận thiên bất dữ nhân phương tiện (199), để sự đảo kim thành khảm kha (200). Khảm-kha khảm-kha nại nhược hà, vị thiếp ta hề vị quân ta.

DỊCH NGHĨA

Gác xuân lại nhớ khi được thừa tiếp cái nét mặt tươi cười, lầu hoa còn nhớ, khi cởi cái giải hương la. Giận trời không cho người lấy sự phương-tiện, việc ấy đến nay thành khó-khăn gập ghềnh. Sự khó khăn gập-ghềnh biết làm thế nào, vì thiếp than-thở lại vì chàng than-thở.

CHÚ THÍCH

(197) *Kiểm* là nét mặt. *Tiếu-kiểm* nghĩa là nét mặt tươi cười.

(198) Tây-sương-khúc có câu rằng : « Hà thời trùng giải hương la đái 何時重解香羅帶 » nghĩa là bao giờ lại cởi cái giải hương-la.

(199) *Phương-tiện* là tiếng nhà Phật, nghĩa là đạo Phật huyền-diệu khó học, tất phải mở đường phương-tiện để khiến cho người ta dễ theo. Phàm việc giúp cho người ta được ích-lợi cũng gọi là phương-tiện.

(200) *Khảm-kha* là ý gian-nan trắc-trở không được thuận-lợi. Người ta lúc chưa gặp thời-vận cũng gọi là khảm-kha.

Giấc nguyệt nọ mơ-màng về mặt,
Lầu hoa kia phảng phất mùi hương.
Trách trời sao để nhỡ-nhàng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.

君不見野外雙鴛鴦
甘心不忍兩分張
又不見樑頭雙燕燕
白頭何曾忘繾綣

DỊCH ÂM

Quân bất kiến giã ngoại song uyên-ương (201), cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương ; bựu bất kiến lương đầu song yến-yến (202), bạch đầu hà tằng vong khiển-quyền.

DỊCH NGHĨA

Chàng không thấy hai con chim uyên-ương ở ngoài đồng, cam lòng không nỡ chia rẽ hai nơi ; lại không thấy hai con chim yến ở trên xà nhà, đầu bạc cũng không bao giờ quên sự quyến-luyến nhau.

CHÚ THÍCH

(201) Xem lời chú-thích ở số 123.

(202) Chim yến cũng là một thứ chim có đôi, thường bay làm tổ ở trên xà-nhà người ta.

Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vội phân trương.
Chẳng xem chim yến trên lương
Bạc đầu không nỡ đôi đường rẽ nhau

鶼也無情
比翼相隨過一生
蛩也無知
蛩驅到老不相離
路柳曾傳連理處
池蓮亦有岐頭時

DỊCH ÂM

Khiêm dã vô tình, tị dực tương tùy quá nhất sinh (203) ; cùng giã vô tri, tịnh khu đáo lão bất tương ly (204). Lộ liễu tằng truyền liên lý xứ (205), trì liên diệc hữu tịnh đầu thi (206)

DỊCH NGHĨA

Chim khiêm kia là giống vô tình mà cùng liền cánh cùng theo nhau suốt một đời ; con cùng kia là loài vô-tri, mà lựa nhau cùng đi, đến già không cùng lìa nhau. Cây liễu bên đường, còn truyền chỗ liền thớ, khóm sen dưới ao cũng có lúc chung rễ.

(203) *Khiêm* là một thứ chim ở về nam-phương có một mắt và một cánh, hai con trống mái thường liền cánh với nhau mà cùng bay. Bởi vậy cũng gọi là *tỉ-dực-điểu*.

(204) Cũng là một giống thú ở về Bắc-hải, tức là *cự-hư*, chạy một thôi hàng trăm dặm đường. Lại có con thú tên gọi là *khuyết*, không chạy được, thường phải tựa vào cốn cự-hư mà đi. Gặp có thứ cỏ ngọt, con khuyết nhường cho con cự-hư ăn, khi có hoạn-nạn thì con cự-hư lại cõng con khuyết mà chạy.

(205) Đời Chiến-quốc có Hàn-Bằng làm chức xá-nhân ở nước Tống. Người vợ là Hà-thị có sắc đẹp. Vua Tống giam Hàn-Bằng mà cướp lấy Hà-thị. Hàn-Bằng tự-tử chết. Hà-thị cũng tự-tử, lại di-bút xin cho tử-thi hợp-táng với Hàn-Bằng. Vua Tống nổi giận không cho hợp táng. Bỗng có hai cây liễu mọc tại hai chỗ mộ ấy mà rễ chung ở dưới, cành liễu ở trên ; lại có hai con chim uyên-ương thường đậu ở trên cây, ai cũng phải lấy làm một việc lạ.

(206) Hai vợ chồng nhà họ Trương gặp có giặc đến, dắt nhau nhảy xuống ao rồi cùng chết đuối. Cách một năm sau, dưới ao bỗng

mọc thử sen tịnh-đế (nghĩa là chung rễ), hương thơm ngào-ngạt. Loài thực-vật lấy gốc rễ làm đầu, cho nên thử sen tịnh-đế cũng gọi là *tịnh đầu*.

Kia loài sâu hai đầu cũng sánh,
Nọ loài chim chắp cánh cùng bay.
Liễu sen là thức cỏ cây.
Đôi hoa cũng sánh, đôi dây cũng liền,

何 人 生 之 相 遠
曷 物 類 之 如 斯
安 得 在 天 爲 比 翼 鳥
在 地 爲 連 理 枝

DỊCH ÂM

Hà nhân-sinh chi tương viễn, ta vật loại chi như tư. An-đắc : tại thiên vi tỉ-dực điểu ; tại địa vi liên-lý chi (207)

DỊCH NGHĨA

Sao đời người lại càng xa nhau, than ôi loài vật còn như thế. Ước gì được : ở trên trời làm chim chắp cánh ở dưới đất làm cây liền cành.

CHÚ THÍCH

(207) Bạch-lạc-Thiên có câu thơ rằng : « Tại thiên nguyện tác tỉ-dực điểu, tại địa nguyện vi liên-lý chi 在 天 願 作 比 翼 鳥,

在地願爲連理枝 » nghĩa là ở trên trời xin làm chim chắp cánh, ở dưới đất xin làm cây liền cành.

Ấy loài vật tình duyên còn thế,

Sao kiếp người nỡ để đấy đây.

Thiếp xin về kiếp sau này.

Như chim liền cánh, như cây liền cành.

寧甘死相別
不忍生相離
雖然死相見
从若生相隨
安得君無老日，妾常少年

DỊCH ÂM

Ninh cam tử tương biệt, bất nhẫn sinh tương ly ; tuy nhiên tử tương kiến, bạt nhược sinh tương tùy (208). An đắc quân vô lão nhật, thiếp thường thiếu niên.

DỊCH NGHĨA

Thà cam chết cùng biệt, không nỡ sống cùng lìa, dẫu rằng chết cùng thấy, sao bằng sống cùng theo. Ước gì được : chàng không ngày già, thiếp thường tuổi trẻ.

CHÚ THÍCH

(208) Cổ-thi có câu rằng : « Lạc mạc lạc bẽ tân tương tri, bi mạc bi hề sinh tương biệt 樂莫樂兮新相知, 悲莫悲 生相別 » nghĩa là vui chẳng gì vui bằng mới cùng biết, thương chẳng gì thương bằng sống cùng cách biệt.

Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.

願爲影兮隨君邊
君有行兮影不遠
君依光兮妾所願
願君許國心如丹
願君庇民力如鉄
饑來吞下肉與頭
渴來飲下單于血

DỊCH ÂM

Nguyện vi ảnh hề tùy quân biên, quân hữu hành hề ảnh bất viễn ; quân y quang hề thiếp sở nguyện. Nguyện quân hứa quốc (209) **tâm như đan ; nguyện quân tí dân** (210) **lực như thiết. Cơ lai thôn hạ Nhục-chi đầu** (211) **; khát lai ẩm hạ Thiền-vu huyết** (212).

DỊCH NGHĨA

Xin làm cái bóng theo bên mình chàng : chàng đi thì bóng không xa, chàng nương ánh sáng thì thiếp rất lấy làm mong. Xin chàng giúp nước lòng như son : xin chàng cứu dân sức như sắt. Khi đói đến thì ăn đầu vua nước Nhục-chi. khi khát đến thì uống máu chúa Thiên-vu.

CHÚ THÍCH

(209) *Hứa quốc* nghĩa là tình nguyện đem thân giúp nước. Không-trĩ-Khuê có câu thơ rằng: « Bản trì hứa quốc chi 本持許國志 » nghĩa là vốn giữ chí giúp nước.

(210) *Tì* nghĩa là che-chở, binh-vực. *Tì-dân* là che-chở, binh-vực cho dân.

(211) Nước Tây-vực chia ra làm hai giống : phía bắc gọi là *đại-nhục-chi* ; phía nam gọi là *tiểu-nhục-chi*. Chúa Hung-nô giết vua Nhục-chi, lấy cái xương sọ đầu làm đồ dùng để uống.

(212) Chúa Hung-nô gọi là *Thiền-vu*, cũng như vua Trung-quốc gọi là Hoàng-đế.

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vừng nguyệt phỉ nguyền,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.

Lòng hửa quốc tựa sơn ngăn-ngắt,
Sức Tỳ-dàn nhường sắt trở-trơ
Máu Thiền-vu, quắc Nhục-cài,
Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.

何 幸 期 門 鋒 刃 中
老 天 著 意 護 英 雄
護 英 雄 百 戰 功
長 驅 騎 馬 靜 關 東
關 東 關 北 休 傳 箭
山 尾 山 頭 早 掛 弓

DỊCH ÂM

Hà hạnh kỳ môn (213) phong-nhận trung, lão-thiên trước ý hộ anh-hùng. Hộ anh-hùng, bách chiến công, trường khu tứ-mã tĩnh Quan-đông. Quan đông quan bắc hưu truyền tiễn (214), sơn vĩ sơn đầu tảo quải cung (215).

DỊCH NGHĨA

May sao ở trong chỗ mũi gươm ngọn giáo lại kỳ-môn kia, trời giá lưu ý giúp cho bậc anh hùng. Giúp cho bậc anh hùng, được thành công trăm trận đánh giặc, cưỡi ngựa tứ-mã kia ruỗi một mạch dài đẹp yên được xứ Quan-đông. Quan đông và Quan-bắc không phải truyền mũi tên làm cách canh-phòng nữa ; chân núi và đầu núi mau mau treo cái cung mà yên nghỉ.

CHÚ THÍCH

(213) Vua Vũ-đế đời Hán hay đi vi-hành, mỗi khi đi truyền lệnh cho những tay bắn giỏi ở đất Lũng-tây đều phải đùng kỳ bẹn đến họp tại trước điện-môn, từ đó mới có tên gọi là *kỳ-môn*.

(214) Quân giặc Hồ cứ lấy cách truyền mũi tên làm hiệu lệnh. Các quân giữ thành cứ mỗi trống canh lại truyền mũi tên để cho khỏi ngủ.

(215) Đường-thi có câu rằng : « Phiên-bải vô truyền tiễn, Thiên-sơn tảo quải cung 番海無傳箭，天山早掛弓 » nghĩa là chỗ Phiên-bải không nghe có truyền mũi tên kia thì chỗ Thiên-sơn kia mới sớm được treo cung mà yên-nghỉ.

Mũi đồng bác đôi lần hăm hở,
Đã lòng trời gìn-giữ người trung.
Hồ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.

捷色旌旗辭塞月
凱歌將士背邊風
勒功勞燕然石
獻馘兮未央宮

DỊCH ÂM

Tiệp sá : tinh kỳ tử tái nguyệt, khải ca (216) tướng sĩ bội biên phong. Lặc công hề Yên-nhiên thạch (217) hiến quắc hề Vị-ương cung (218).

DỊCH NGHĨA

Cờ tinh cờ kỳ trống có vẻ thắng trận, đã giã từ bóng trăng ở ngoài cửa ải kia, các tướng-sĩ đều vui hát quay lưng về ngọn gió chốn biên-cương mà trở về. Nào ghi công ở hòn đá tại núi Yên-nhiên, nào dáng đầu giặc ở trước cung Vị-ương.

CHÚ THÍCH

(216) *Khải* nghĩa là vui-vẻ. Quân được thắng-trận hát mà kéo về thì gọi là *Khải-ca*.

(217) Xem lời chú-thích ở số 126.

(218) *Vị-ương* là chưa sáng rõ. Chữ « *Vị-ương* » đây là tên cung. Kinh Thi có câu rằng : « Dạ như hà kỳ dạ vị-ương 夜如何其夜未央 » nghĩa là đêm như thế nào ? Đêm sáng chưa rõ.

Bóng kỳ sý giã ngoài quan-ải,
Tiếng khải ca trở lại Thần-kinh.
Đỉnh non kia đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.

未央宮兮向天朝
挽銀河兮洗弓刀

詞 人 删 下 平 准 頌
樂 府 歌 傳 入 漢 謠
凌 烟 閣 爭 秦 叔 寶
麒 麟 臺 兮 霍 嫖 姚
天 長 地 久 茅 苴 券
子 蔭 妻 封 福 祿 標

DỊCH ÂM

Vị ương-cung hề hướng thiên triều, vãn ngân hà hề tẩy cung đao (219) Từ nhân san hạ bình Hoài tụng (220) nhạc phủ ca truyền nhập Hán dao (221). Lăng-yên-các (222) hề Tần-thúc Bảo, Kỳ-lân-đài (223) hề Hoắc-phiêu-Diêu. Thiên trường địa cửu mao thư khoán (224), tử ấm thê phong phúc lộc tiêu.

DỊCH NGHĨA

Cung Vị-ương kia vào chầu vua, đem nước sông Ngân-hà kia để rửa cung đao. Bọn từ-nhân làm ra bài bình Hoài, chốn nhạc-phủ hát truyền khúc nhập Hán. Gác Lăng-yên kia, nọ chàng Thúc-Bảo họ Tần ; đài Kỳ-lân kia, nọ quan Phiên-Diêu họ Hoắc. Trời đất dài lâu, nào nắm đất bọc cả nao, nào tờ khoán ước. Con được ấm, vợ được phong, đó là cái nêu hưởng phúc lộc.

(219) Đỗ-Phủ có câu rằng : « An đắc tráng-sĩ vấn Thiên-hà tẩy-tĩnh giáp binh 安得壯士挽天河洗淨甲兵 » nghĩa là ước gì được bọn tráng-sĩ đem nước sông Thiên-hà mà rửa cho sạch các đồ giáp binh, từ nay đi không dùng đến nữa.

(220) Bùi-Đô đời Đường đem quân đi dẹp yên được các nước ở Hoài, Sái. Hàn-Dũ có làm ra bài ca « *bình Hoài* ».

(221) *Nhập-Hán* là vào đất Hán. Ban-Siêu là tướng nhà Hán đi sứ ở Tây-vực, hơn ba mươi năm mới về, có câu « sinh nhập Ngọc-môn quan 生入玉門關 » nghĩa là được sống vào cửa ải Ngọc-môn, tức là đi vào đất Hán.

(222) Vua Thái-Tôn đời Đường vẽ hai mươi bốn người công-thần ở gác Lăng-yên, để ví với hai mươi bốn ngôi sao trên trời.

(223) Vua Tuyên-Đế đời Hán vẽ mười người công-thần ở đài Kỳ-lân.

(224) Đời xưa phong hầu, ban cho đất ngũ sắc, có bọc cỏ mao trắng. Vua Cao-tổ đời Hán phong công-thần, ban cho tờ thiết-khoán.

Nước doanh hán việt đồng rửa sạch,

Khúc nhạc-từ déo-dắt lừng khen.

Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền.

Tên ghi gác Khói, tượng truyền đài Lân.

Nền huân tước đai cân rạng vẻ,

Chữ đồng hưu (1) bia đề nghìn đông.

Ơn trên tử ấm, thê phong,

Phận vinh thiếp cũng được chung hương trời.

(1) Đồng-hưu (同休) nghĩa là cùng nước cùng vui sướng.

有 慙 兮 此 日
得 意 兮 來 時
妾 非 蘇 家 凝 心 婦
君 亦 洛 陽 好 男 兒
歸 來 倘 佩 黃 金 印
莫 學 當 年 不 下 機

DỊCH ÂM

Hữu sầu bề thử nhật, đắc ý bề lai thì. Thiếp phi Tô-gia ai-tâm phụ (225). quân diệc Lạc-dương hảo nam-nhi. Qui lai thẳng bội hoàng kim ấn, khẳng bọc đương niên bất hạ ky.

DỊCH NGHĨA

Ngày nay dẫu có sầu, sau này sẽ đắc ý Thiếp không phải là người đàn-bà ngây-dại như vợ chàng họ Tô, chàng cũng là một bậc hảo-nam-nhi ở đất Lạc-dương. Chàng về nếu không đeo cái ấn bằng vàng đỏ, năm xưa thiếp này cũng chẳng khi nào ngồi cung-cửi mà không đứng dậy.

CHÚ THÍCH

(225) Tô-Tần khi còn hàn-vi về nhà, người vợ ngồi trên cung cửi, không thèm đứng dậy: đến khi làm tướng sáu nước, đeo ấn vàng về thì người vợ sợ-hãi, mắt không dám nhìn thẳng. Tô-Tần phán bảo câu gì, vợ phải lắng tai nghe.

Thiếp chẳng dại như người Tô-phụ,
Chàng chắc không như lũ Lạc-dương.
Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửi dám dẫy-duồng làm cao.

願 爲 君 兮 解 征 衣
願 爲 君 兮 捧 露 巵
爲 君 梳 挽 雲 鬟 髻
爲 君 糝 點 玉 肌 脂

DỊCH ÂM

Nguyện vị quân hề giải chinh-y (226). Nguyện vị quân hề phủng lộ chi. Vị quân lưu-vãn vân hoàn khảo, vị quân trang-điểm ngọc-cơ chi.

DỊCH NGHĨA

Xin vì chàng cởi cái áo đi đánh giặc kia, xin vì chàng chuốc chén rượu Lộ-chi kia. Vì chàng trải-truốt cái mái tóc mây kia, vì chàng trang-điểm cái màu da ngọc kia.

CHÚ THÍCH

(226) *Chinh-y* là cái áo mặc trong khi đi đánh giặc, cũng như nói chinh-trường 征帳 và chinh-câu 征駒 vậy.

Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp,
Xin vì chàng dũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chúc chén vàng.
Vì chàng điểm phấn đeo hương não nùng.

收君石兮拭淚巾
話君臆兮舊情詞
舊情詞兮換新聯
溝新話舊兮酒盃前

DỊCH ÂM

Thu quân khán hề cựu lệ cân 227), tố quân thỉnh hề cựu tình từ. Cựu tình từ hề hoán tân-liên, giảng tân hoại cựu hề tửu bôi tiền.

DỊCH NGHĨA

Đưa chàng xem cái khăn thấm nước mắt khi trước, đọc chàng nghe những lời tự-tình khi trước. Những lời tự-tình khi trước nay đổi ra những câu văn mới, giảng chuyện mới nói chuyện cũ ở trước chén rượu.

CHÚ THÍCH

(227) Lưu-vũ-Tích có câu thơ rằng : Dạ lai cân thượng lệ, nhất điểm thị xuân sầu 夜來巾上淚, 一點是春愁 » nghĩa là đêm đến trên khăn có nước mắt, một giọt cũng là mối xuân sầu.

Mở khăn lệ chảng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chảng thầm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu
Rượu khà cùng kể trước sau mọi lời.

漫 酌 [illegible] 慢 慢
低 唱 [illegible] 連 連
酌 復 酌 [illegible] 葡 萄 酒
唱 復 唱 [illegible] 紫 騮 篇
酌 九 醞 唱 雙 聯
與 君 整 頓 [illegible] 姻 緣
交 頸 成 雙 到 老 天

DỊCH ÂM

Thiền trước bề mạn mạn, đề xướng bề liên liên. Trước phục trước bề bồ-đào-tửu (228), xướng phục xướng bề tử-lưu thiên (229). Trước cửu-uẩn (230) xướng song-liên, dữ quân chỉnh-đốn cựu nhân-duyên, giao cảnh thành song đáo lão thiên.

DỊCH NGHĨA

Từ-từ rót chén vơi, liền liền hát giọng thấp Rượu bồ-đào kia đã rót lại rót, bài tử-lưu kia đã hát lại hát. Rót rượu cửu-uẩn, hát bài song-liên, cùng chàng chỉnh-đốn cái nhân-duyên cũ, sánh vai thành đôi cho đến khi già.

CHÚ THÍCH

(228) *Bồ-đào* là một thứ cây có hoa về mùa hạ, có quả về mùa thu. Khi quả chín, ngọt và thơm lắm, có thể đem nấu rượu được.

(229) Cổ-thi có câu rằng : « Hành-nhân tiên tử lưu 行人鞭紫騮 », nghĩa là người đi đường cầm roi đánh con ngựa tử-lưu.

(230) *Cửu uẩn* là chín lần đất. Cổ thi có câu rằng : « Trước ngã tiên-nhân cửu uẩn trường 酌我仙人九醞觴 », nghĩa là rót cho ta chén rượu chín lần cất của tiên.

Sẽ rót vơi lần-lần từng chén,
Sẽ ca dần den-dén từng thiên.
Liên ngâm, đối ẩm đôi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

償了功名離別日
相憐相守太平年
太平年願歲置
若然此後妾何淚
相會相期相寄言
嘆乎丈夫當如是

DỊCH ÂM

Thường liễu công danh ly-biệt nhật (231), tương liên tương thủ thái bình niên. Thái-bình niên nguyện tuế tri (232) Nhược nhiên thử hậu thiếp hà lệ, tương tội tương kỳ tương ký ngôn, ta hồ trượng-phu đương như thị (233).

DỊCH NGHĨA

Bù lại những ngày chàng vì công danh mà phải ly-biệt, cùng thương cùng tựa nhau trong đời thái-bình. Trong đời thái-bình chúc cho hàng năm được như thế. Nếu vậy thì từ đó về sau không bao giờ thiếp còn phải ứa nước mắt, cùng nhau hẹn-hò cùng gởi câu nói. Than ôi, bậc trượng-phu nên như thế.

CHÚ THÍCH

(231) Lục-qui-Mông có câu thơ rằng : « Trượng-phu phi vô lệ bất sái ly-biệt gian 丈夫非無淚,不洒離別間 » nghĩa là tài trai không phải là không có nước mắt, nhưng không ứa nước mắt ở trong khi ly-biệt. Lại có câu rằng : « Sở tư tại công-danh, ly-biệt hà túc thán 所思在功名,離別何足嘆 » nghĩa là cốt nghĩ ở công-danh, ly-biệt sao đáng phiền.

(232) Chữ này ngờ có lầm, nhưng tra các bản đều như thế, không dám tự ý đổi khác.

(233) *Trượng-phu* là người đàn ông có chí-khí hơn người. Ông Mạnh-Tử có nói rằng :

« Phú quí bất năng dâm, bần-tiện bất năng di, uy-vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng-phu 富貴不能淫, 貧賤不能移, 威武不能屈, 此之謂大丈夫 » nghĩa là giàu sang không thể làm cho say đắm, nghèo hèn không thể làm cho chuyển di, uy-vũ không thể làm cho khiếp sợ, thế mới đáng gọi là bậc đại trượng-phu. Ông Bái-công được xem khi vua Thủy-hoàng nhà Tần ngự đi chơi, cũng có nói một câu rằng : « Ta hồ trượng-phu đương như thị 咳乎丈夫當如是 » nghĩa là than ôi, bậc trượng-phu nên như thế.

Cho bõ lúc xa sầu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thanh bình.
Ngâm nga mong mỏi chữ tình,
Nhường này âu hẳn tài lành trượng phu.

HẾT

Đang in

TỦ SÁCH TAO ĐÀN

DANH-NHÂN VIỆT NAM

QUA CÁC TRIỀU-ĐẠI LÊ MẠT, CỦA PHAN TRẦN-CHÚC

Imp. Tân-Dân - Hanoi